



# TIÊU CHUẨN VIETFARM

**Tiêu chuẩn này được xây dựng bởi**

**TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN VÀ HỘI NHẬP**

**Phiên bản 02: 2026**

Dựa trên các bản chỉnh sửa bổ sung: v.1 2018

Thời gian dự kiến rà soát lại: 2028

Địa chỉ gửi phản hồi: [standards@Vietfarm.org.vn](mailto:standards@Vietfarm.org.vn)

Bản quyền @2026 thuộc về Trung tâm Phát triển và Hội nhập (Center for Development and Integration).

Nghiêm cấm phát hành lại, lưu trữ hoặc chuyển thể lại hoặc bằng bất kỳ hình thức nào mà không làm rõ quyền sở hữu của tổ chức

## GIỚI THIỆU

VietFarm là hệ thống tiêu chuẩn tự nguyện về nông nghiệp và sản phẩm nông sản, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, sản xuất có trách nhiệm và giảm phát thải khí nhà kính trong nông nghiệp Việt Nam. Bộ tiêu chuẩn được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tiễn của các hộ nông dân nhỏ, hợp tác xã, tổ hợp tác và doanh nghiệp vừa và nhỏ, đồng thời đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước và quốc tế về chất lượng, an toàn thực phẩm và phát triển bền vững.

Bộ tiêu chuẩn VietFarm được xây dựng trên cơ sở tham chiếu có chọn lọc các tiêu chuẩn quốc tế và quốc gia về quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, thực hành nông nghiệp tốt và các yêu cầu kỹ thuật của thị trường quốc tế và khu vực. Bộ tiêu chuẩn VietFarm đồng thời là công cụ thực hiện các cam kết quốc gia về giảm phát thải, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển nông nghiệp bền vững.

Bộ tiêu chuẩn VietFarm được xây dựng, quản trị và phát triển bởi **Trung tâm Phát triển và Hội nhập (CDI)** — một tổ chức khoa học và công nghệ hoạt động trong lĩnh vực phát triển bền vững, quản trị tốt và kinh doanh có trách nhiệm.

Hệ sinh thái VietFarm bao gồm **Hội đồng Tiêu chuẩn VietFarm** với sự tham gia của các đơn vị sáng lập, chuyên gia, nhà khoa học, viện nghiên cứu và hiệp hội ngành nghề có vai trò tư vấn và giám sát hệ thống tiêu chuẩn. Bên cạnh đó, hệ sinh thái VietFarm còn bao gồm các tổ chức kiểm định, đánh giá và xác nhận độc lập có chức năng thẩm định và cấp chứng nhận việc áp dụng tiêu chuẩn tại các tổ chức thành viên.

### Lời cảm ơn

Chương trình tiêu chuẩn VietFarm nhận được sự hỗ trợ tài chính của **Cơ quan Viện trợ Ireland tại Việt Nam (Irish Aid)**.

Tiêu chuẩn chung VietFarm nhận được hỗ trợ kỹ thuật từ các tổ chức đối tác, bao gồm: Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam (VSQI), Tổ chức VECTRA INTERNATIONAL và Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất Công Bằng Xanh (GFT) từ năm 2018. Các tiêu chuẩn kỹ thuật về Chăn nuôi phát thải thấp (VFS LS\_LC 02:2026) và Trồng trọt phát thải thấp (VFS CROP\_LC 02:2026) được xây dựng với sự tham gia tư vấn bao gồm: Trung tâm Phát triển và Hội nhập (CDI), Liên hiệp HTX Kinh tế số Việt Nam (VDECA), Viện Công nghệ xanh (GreenTech), Hiệp Hội Chuyển đổi xanh Việt nam, Viện Khoa học Nông nghiệp và Môi trường, Liên hiệp HTX Nông nghiệp bền vững VietFarm (VCASA) và Công ty TNHH Doanh nghiệp xã hội Dịch vụ VietFarm (VietFarm Services). Bộ tiêu chuẩn sửa đổi cũng được sự đóng góp tư vấn kỹ thuật của Công ty TNHH Giải pháp Phát triển Bền vững (SDS Việt Nam) và Công ty TNHH Key Logs Economics Việt Nam hỗ trợ kỹ thuật để hoàn thiện và xây dựng các công cụ để đánh giá xác nhận.

## PHẠM VI ÁP DỤNG

### 1. Phạm vi chung

Tiêu chuẩn VietFarm áp dụng cho toàn bộ chuỗi giá trị nông sản — từ sản xuất (trồng trọt, chăn nuôi), sơ chế, chế biến đến đóng gói thành phẩm và lưu thông trên thị trường. Bộ tiêu chuẩn tích hợp các yêu cầu về an toàn sản phẩm, trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, giảm phát thải khí nhà kính và thích ứng với biến đổi khí hậu, trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa tiêu chuẩn quốc tế với điều kiện thực tiễn của Việt Nam, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

### 2. Đối tượng áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng cho các tổ chức và cá nhân sau:

- Hộ sản xuất nhỏ
- Hợp tác xã và tổ hợp tác
- Nhóm sản xuất, liên minh và liên hiệp sản xuất
- Doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp
- Đơn vị thương mại và phân phối sản phẩm có chứng nhận VietFarm

### 3. Ngành hàng áp dụng

Bộ tiêu chuẩn hiện áp dụng cho ngành hàng trồng trọt và chăn nuôi, và có thể mở rộng sang các lĩnh vực nông sản khác trong quá trình phát triển của hệ thống VietFarm.

### 4. Căn cứ đánh giá

Bộ tiêu chuẩn này được sử dụng làm căn cứ để đánh giá sự tuân thủ của các tổ chức và đơn vị tham gia chuỗi cung ứng nông sản VietFarm, bao gồm đánh giá chứng nhận lần đầu, đánh giá định kỳ và đánh giá đột xuất.

### 5. Cấu trúc Bộ tiêu chuẩn VietFarm

Các bộ tiêu chuẩn VietFarm bao gồm:

Mã hiệu	Tên tiêu chuẩn	Năm ban hành
VFS-GEN-01:2018	Tiêu chuẩn chung	2018
VFS-CCR-01:2022	Yêu cầu đối với trồng trọt	2022
VFS-OCR-01:2022	Yêu cầu đối với trồng trọt hữu cơ	2022
VFS-OLS-01:2022	Yêu cầu đối với chăn nuôi hữu cơ	2022
VFS-LCLS-01:2023	Yêu cầu đối với chăn nuôi phát thải thấp	2023
VFS-LCCR-01:2024	Yêu cầu đối với trồng trọt phát thải thấp	2024
VFS-GEN-02:2026	Tiêu chuẩn chung	2026
VFS-CR-02:2026	Yêu cầu đối với trồng trọt (VietFarmG.A.P)	2026
VFS-LS-02:2026	Yêu cầu đối với Chăn nuôi (VietFarmG.A.P)	2026
VFS-LS_LC-02:2026	Yêu cầu đối với chăn nuôi phát thải thấp	2026
VFS-CROP_LC-02:2026	Yêu cầu đối với trồng trọt phát thải thấp	2026

\*Ghi chú: Các phiên bản theo thứ tự trên được cập nhật, bổ sung và thay thế phiên bản trước.



# PHẦN I

## TIÊU CHUẨN CHUNG

VietFarm General Standards | VFS-GEN\_01:2026

Tiêu chuẩn chung VietFarm được xây dựng trên nền tảng 10 Giá trị cốt lõi, phản ánh cam kết của toàn bộ hệ thống VietFarm về sản xuất có trách nhiệm, công bằng và bền vững. Mỗi Giá trị cốt lõi được cụ thể hóa thành các Nguyên tắc tiêu chuẩn (PS) và Yêu cầu tiêu chuẩn (SR) có tính bắt buộc hoặc khuyến khích, áp dụng thống nhất cho tất cả tổ chức thành viên VietFarm.

### Cấu trúc mỗi Giá trị cốt lõi:

- Tóm tắt cam kết cốt lõi – mô tả triết lý và định hướng của từng giá trị
- PS (Nguyên tắc tiêu chuẩn) – các nguyên tắc bắt buộc tuân thủ
- SR (Yêu cầu tiêu chuẩn) – các yêu cầu cụ thể, có thể kiểm chứng

### 10 Giá trị cốt lõi VietFarm

<b>CV 1</b>	Nâng cao năng lực tổ chức và sản xuất
<b>CV 2</b>	Thúc đẩy cơ hội kinh tế và tiếp cận thị trường bình đẳng
<b>CV 3</b>	Không sử dụng lao động trẻ em, lao động cưỡng bức và không phân biệt đối xử
<b>CV 4</b>	Điều kiện sản xuất sạch và an toàn lao động
<b>CV 5</b>	Đảm bảo môi trường bền vững trong sản xuất
<b>CV 6</b>	Sản xuất sản phẩm an toàn và tự nhiên
<b>CV 7</b>	Truy xuất nguồn gốc trong sản xuất và kinh doanh
<b>CV 8</b>	Kinh doanh có trách nhiệm
<b>CV 9</b>	Thực hành thương mại công bằng
<b>CV 10</b>	Minh bạch trong chuỗi cung ứng

### Tổng hợp VFS-GEN-01:2026 — 159 SR, 10 Core Values (CV), 37 Principle Standard (PS)

Đối tượng áp dụng	Số Yêu cầu cụ thể (SR)	Phạm vi áp dụng
<b>TC</b> — Tất cả	154 SR	Bắt buộc với mọi tổ chức thành viên là đơn vị sản xuất
<b>TM</b> — Thương mại/Phân phối	18 SR	Áp dụng riêng cho đơn vị thương mại/phân phối
<b>★</b> — Khuyến khích	9 SR	Không bắt buộc

TỔNG HỢP SR THEO GIÁ TRỊ CỐT LÕI — VFS-GEN-02:2026				
STT	CV	Tên Giá trị cốt lõi	Số SR	Ghi chú
1	CV1	Nâng cao năng lực tổ chức và sản xuất	23	6 PS   22 bắt buộc   1 khuyến khích
2	CV2	Thúc đẩy cơ hội kinh tế và tiếp cận thị trường bình đẳng	6	3 PS   5 SR bắt buộc   1 khuyến khích
3	CV3	Không sử dụng lao động trẻ em, lao động cưỡng bức và không phân biệt đối xử	18	5 PS   18 SR bắt buộc
4	CV4	Điều kiện sản xuất sạch và an toàn lao động	16	2 PS   15 bắt buộc   1 khuyến khích
5	CV5	Đảm bảo môi trường bền vững trong sản xuất	19	6 PS   18 bắt buộc   1 khuyến khích
6	CV6	Sản xuất sản phẩm an toàn và tự nhiên	20	5 PS   22 bắt buộc   3 khuyến khích
7	CV7	Truy xuất nguồn gốc trong sản xuất và kinh doanh	6	2 PS   6 SR bắt buộc
8	CV8	Kinh doanh có trách nhiệm	15	5 PS   13 bắt buộc   4 khuyến khích
9	CV9	Thực hành thương mại công bằng	8	2 PS   7 bắt buộc   1 khuyến khích
10	CV10	Minh bạch trong chuỗi cung ứng	23	7 PS   23 SR bắt buộc
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>154</b>	<b>Tổng 154 SR   Bắt buộc: 145   Khuyến khích: 9</b>

## CV 1 – Nâng cao năng lực tổ chức và sản xuất

Nâng cao năng lực tổ chức và sản xuất là nền tảng đầu tiên và cốt lõi nhất của hệ thống VietFarm. Tổ chức thành viên VietFarm cam kết nâng cao năng lực tổ chức và sản xuất thông qua sáu cam kết cốt lõi: (1) Đảm bảo tổ chức thành viên là tổ chức của người sản xuất nhỏ, với ít nhất 75% thành viên là hộ sản xuất nhỏ; (2) Thành lập và vận hành tổ chức trên cơ sở pháp lý, có điều lệ, ban quản lý, ban kiểm soát và cơ chế kiểm soát nội bộ minh bạch; (3) Hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, bình đẳng và minh bạch; (4) Xây dựng và thực hiện mục tiêu, chiến lược, kế hoạch hành động và cơ chế cải tiến liên tục; (5) Sử dụng nguồn lợi từ hoạt động tổ chức một cách minh bạch và công bằng, ưu tiên tái đầu tư cho phát triển năng lực thành viên và cộng đồng; (6) Củng cố năng lực sản xuất, tiếp cận thị trường, nhận thức về giới và bảo vệ môi trường thông qua đào tạo, chia sẻ thực hành tốt và khuyến khích đổi mới sáng tạo.

### PS 1.1 – Tổ chức thành viên là tổ chức của người sản xuất nhỏ

#### SR 1.1.1 – Tỷ lệ tối thiểu thành viên là người sản xuất nhỏ

Tổ chức thành viên phải là tổ chức được thành lập và vận hành vì lợi ích của người sản xuất nhỏ. Ít nhất 75% tổng số thành viên của tổ chức phải là người sản xuất nhỏ theo định nghĩa áp dụng trong bộ tiêu chuẩn này. Tỷ lệ này phải được duy trì và kiểm chứng định kỳ trong các kỳ đánh giá chứng nhận.

[Tham chiếu: Định nghĩa về người sản xuất nhỏ trong Phụ lục Thuật ngữ định nghĩa của Bộ tiêu chuẩn VietFarm]

### PS 1.2 – Tổ chức thành viên được thành lập và vận hành trên cơ sở pháp lý

**SR 1.2.1 – Thành lập hợp pháp trên cơ sở tự nguyện và có điều lệ**

Tổ chức thành viên phải được thành lập trên cơ sở tự nguyện của các thành viên, có điều lệ được thông qua tại đại hội thành viên và hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật quốc gia. Điều lệ phải xác định rõ mục tiêu, phạm vi hoạt động, quyền và nghĩa vụ của thành viên, cơ cấu tổ chức và cơ chế ra quyết định.

**SR 1.2.2 – Cơ cấu quản lý và kiểm soát được quy định trong điều lệ**

Tổ chức thành viên phải có ban quản lý và ban kiểm soát được quy định rõ ràng trong điều lệ, bao gồm: thành phần, nhiệm vụ, thẩm quyền, nhiệm kỳ và cơ chế bầu cử, bãi miễn. Sự phân tách giữa chức năng quản lý điều hành và chức năng kiểm soát, giám sát phải được duy trì để đảm bảo quản trị tổ chức lành mạnh.

**SR 1.2.3 – Kiểm soát nội bộ và phân công trách nhiệm**

Tổ chức thành viên phải có cơ chế kiểm soát nội bộ được văn bản hóa và thực hiện thường xuyên, bao gồm phân công cụ thể người chịu trách nhiệm kiểm soát nội bộ. Cơ chế này phải bao gồm các quy trình kiểm tra, giám sát việc tuân thủ điều lệ, quy định nội bộ và các tiêu chuẩn VietFarm, đồng thời xử lý kịp thời các sai phạm phát hiện được.

**PS 1.3 – Tổ chức thành viên hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, bình đẳng và minh bạch****SR 1.3.1 – Bầu ban quản trị tự do, dân chủ và minh bạch**

Tổ chức thành viên phải thực hành bầu ban quản trị theo nguyên tắc tự do, dân chủ và minh bạch. Quy trình bầu cử phải được quy định rõ trong điều lệ, đảm bảo mọi thành viên đều có quyền ứng cử, đề cử và bỏ phiếu bình đẳng. Kết quả bầu cử phải được công khai đến toàn bộ thành viên.

**SR 1.3.2 – Đại hội thành viên hàng năm và lưu biên bản**

Đại hội thành viên phải được tổ chức ít nhất mỗi năm một lần, đảm bảo tính dân chủ và minh bạch trong quá trình thảo luận và ra quyết định. Biên bản đại hội phải được lập đầy đủ, ghi rõ nội dung thảo luận, các quyết định được thông qua và tỷ lệ biểu quyết, đồng thời được lưu giữ và công khai đến toàn bộ thành viên.

**SR 1.3.3 – Gia nhập tổ chức bình đẳng và dân chủ**

Mọi hộ sản xuất nhỏ đáp ứng điều kiện của tổ chức đều có quyền gia nhập tổ chức thành viên trên cơ sở bình đẳng. Việc kết nạp thành viên mới phải được sự đồng ý của đa số thành viên (trên 50%), theo quy trình công khai và không phân biệt đối xử. Điều kiện gia nhập và quy trình xét duyệt phải được ghi rõ trong điều lệ và công khai đến tất cả người quan tâm.

**SR 1.3.4 – Quyền tự do tham gia các tổ chức bên ngoài VietFarm**

Các thành viên có quyền tham gia các hiệp hội, tổ chức hoặc mạng lưới ngoài hệ thống VietFarm theo ý chí tự nguyện, với điều kiện các tổ chức đó hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật quốc gia. Tổ chức thành viên không được hạn chế hoặc ngăn cản quyền này của thành viên.

**SR 1.3.5 – Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia của thành viên trong ra quyết định**

Tổ chức thành viên phải đảm bảo mọi thành viên có cơ hội thực chất để đóng góp ý kiến và tham gia vào các quyết định quan trọng của tổ chức, bao gồm: kế hoạch sản xuất kinh doanh, phân chia lợi ích, sửa đổi điều lệ và các vấn đề ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi thành viên. Cơ chế lắng nghe và phản hồi ý kiến thành viên phải được xây dựng và duy trì thường xuyên.

**PS 1.4 – Tổ chức thành viên có mục tiêu, chiến lược, kế hoạch hành động và cơ chế cải tiến liên tục****SR 1.4.1 – Mục tiêu và chính sách hướng đến công bằng và bền vững**

Tổ chức thành viên phải xây dựng và thực hiện các mục tiêu và chính sách hướng đến công bằng xã hội, phát triển bền vững và nâng cao năng lực cho các thành viên, đặc biệt là các hộ

sản xuất nhỏ và các nhóm dễ bị tổn thương. Mục tiêu phải được cụ thể hóa, có thể đo lường được và được rà soát định kỳ.

#### **SR 1.4.2 – Kế hoạch đào tạo kỹ thuật và nâng cao năng lực sản xuất**

Tổ chức thành viên phải xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo kỹ thuật và nâng cao năng lực sản xuất cho các thành viên và người lao động. Kế hoạch phải xác định rõ nội dung, đối tượng, tần suất và hình thức đào tạo phù hợp với điều kiện thực tế của tổ chức, và được lưu hồ sơ đầy đủ.

#### **SR 1.4.3 – Kế hoạch hành động thực hiện mục tiêu phát triển**

Tổ chức thành viên phải có kế hoạch hành động cụ thể để thực hiện các mục tiêu phát triển, bao gồm: các hoạt động ưu tiên, phân công trách nhiệm, nguồn lực cần thiết và lịch trình thực hiện. Kế hoạch phải được cập nhật hàng năm và điều chỉnh dựa trên kết quả đánh giá thực hiện.

#### **SR 1.4.4 – Quy trình sản xuất và chế biến được văn bản hóa và đào tạo**

Tổ chức thành viên phải có các quy trình chung được văn bản hóa cho các khâu sản xuất và chế biến an toàn, phù hợp với điều kiện và loại hình sản xuất của tổ chức. Các quy trình này phải được đào tạo cho người lao động và thành viên, được cập nhật khi có thay đổi về kỹ thuật, pháp luật hoặc yêu cầu của bộ tiêu chuẩn.

#### **SR 1.4.5 – Đánh giá rủi ro và kế hoạch giảm thiểu rủi ro**

Tổ chức thành viên phải thực hiện đánh giá rủi ro định kỳ đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức, bao gồm rủi ro về sản xuất, thị trường, môi trường và xã hội. Kết quả đánh giá phải được sử dụng để xây dựng kế hoạch hành động giảm thiểu rủi ro cụ thể, được lưu hồ sơ và cập nhật định kỳ.

#### **SR 1.4.6 – Kế hoạch cải tiến liên tục nâng cao hiệu quả sản xuất**

Tổ chức thành viên phải xây dựng và thực hiện kế hoạch cải tiến liên tục nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, chất lượng sản phẩm và mức độ tuân thủ tiêu chuẩn VietFarm. Kế hoạch cải tiến phải dựa trên kết quả đánh giá nội bộ, phản hồi của thành viên và người lao động, và các yêu cầu cải tiến từ kỳ đánh giá chứng nhận trước đó.

#### **SR 1.4.7 – Khuyến khích sáng kiến và cơ hội nghề nghiệp cho thế hệ trẻ và phụ nữ**

Tổ chức thành viên phải chủ động ủng hộ các sáng kiến đổi mới trong sản xuất và kinh doanh, và tạo điều kiện để mọi thành viên — đặc biệt là thế hệ trẻ và phụ nữ — có cơ hội tìm kiếm và phát triển nghề nghiệp trong chuỗi cung ứng nông nghiệp của tổ chức. Tổ chức được khuyến khích có các chương trình cụ thể để thu hút và giữ chân lao động trẻ và phụ nữ trong lĩnh vực nông nghiệp.

#### **SR 1.4.8 – Đánh giá nội bộ định kỳ về tuân thủ tiêu chuẩn VietFarm**

Tổ chức thành viên phải thực hiện đánh giá nội bộ định kỳ ít nhất 6 tháng một lần để kiểm tra mức độ tuân thủ bộ tiêu chuẩn VietFarm. Khi phát hiện điểm không phù hợp, tổ chức phải: phân tích nguyên nhân gốc rễ; lập kế hoạch và thực hiện biện pháp khắc phục trong thời hạn không quá 03 tháng; và xác minh hiệu quả của biện pháp khắc phục trước kỳ đánh giá tiếp theo. Đối với tổ chức có nhiều thành viên hoặc nhiều địa điểm sản xuất, tất cả thành viên và địa điểm sản xuất đều phải được đưa vào phạm vi đánh giá.

[Tham chiếu: SR 10.7 về hệ thống quản lý chất lượng nội bộ và cải tiến liên tục]

### **PS 1.5 – Nguồn lợi từ tổ chức thành viên được sử dụng cho phát triển bền vững của tổ chức và cộng đồng**

#### **SR 1.5.1 – Cơ chế phân bổ lợi nhuận minh bạch và công bằng**

Tổ chức thành viên phải có cơ chế phân bổ lợi nhuận được văn bản hóa, minh bạch và được thông qua bởi đại hội thành viên. Cơ chế này phải đảm bảo lợi ích được chia sẻ công bằng giữa các thành viên theo nguyên tắc đã được thống nhất, không phụ thuộc vào vị thế hay quy mô sản xuất của từng thành viên.

**SR 1.5.2 – Quỹ đầu tư phát triển và cơ chế vận hành công khai**

Tổ chức thành viên phải trích lập quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận hoạt động, với các yêu cầu cụ thể sau:

- a) Tối thiểu 25% quỹ phải được sử dụng để đầu tư phát triển năng lực sản xuất cho tổ chức và các thành viên, ưu tiên các thành viên nhỏ và yếu thế.
- b) Cơ chế hoạt động của quỹ — bao gồm mức trích lập, tiêu chí phân bổ, quy trình phê duyệt và giám sát — phải được công khai và được sự đồng ý của hơn 50% thành viên của tổ chức.
- c) Kết quả sử dụng quỹ phải được báo cáo công khai cho tất cả thành viên ít nhất mỗi năm một lần tại đại hội thành viên, kèm theo hồ sơ minh chứng về việc sử dụng đúng mục đích.

**PS 1.6 – Củng cố năng lực tổ chức và sản xuất toàn diện****SR 1.6.1 – Kế hoạch nâng cao năng lực sản xuất**

Tổ chức thành viên phải xây dựng và thực hiện kế hoạch nâng cao năng lực sản xuất hàng năm, bao gồm các mục tiêu cụ thể, hoạt động đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật, nguồn lực thực hiện và chỉ số đánh giá kết quả. Kế hoạch phải được chia sẻ với thành viên và người lao động, và được lưu hồ sơ để phục vụ đánh giá chứng nhận.

**SR 1.6.2 – Tập huấn tiêu chuẩn VietFarm cho người quản lý và thành viên**

Người trực tiếp quản lý và tất cả thành viên của tổ chức phải được tập huấn về nội dung và yêu cầu của bộ tiêu chuẩn VietFarm trước khi tham gia vào tổ chức tham gia theo tiêu chuẩn VietFarm, và được cập nhật khi bộ tiêu chuẩn có sửa đổi.

**SR 1.6.3 – Đào tạo người lao động về tiêu chuẩn và các yêu cầu liên quan**

Người lao động phải được tập huấn và đào tạo về bộ tiêu chuẩn VietFarm và các yêu cầu liên quan, bao gồm tối thiểu: an toàn lao động; bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học; sử dụng hóa chất an toàn; và các biện pháp canh tác, chăn nuôi phát thải thấp khí nhà kính. Đào tạo phải được thực hiện trước khi bắt đầu làm việc và được cập nhật định kỳ hoặc khi có thay đổi về yêu cầu kỹ thuật. Hồ sơ tập huấn phải được lưu giữ đầy đủ.

**SR 1.6.4 – Chia sẻ và thực hành nông nghiệp bền vững và phát thải thấp**

Tổ chức thành viên phải tạo môi trường và cơ chế để thành viên và người lao động chia sẻ, học hỏi và thực hành các biện pháp nông nghiệp bền vững. Tổ chức thành viên phải khuyến khích — và khi điều kiện cho phép, yêu cầu — các thành viên áp dụng các biện pháp canh tác, chăn nuôi phát thải thấp trong sản xuất, góp phần vào mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính của hệ thống VietFarm.

## CV 2 – Thúc đẩy cơ hội kinh tế và tiếp cận thị trường bình đẳng

Tổ chức thành viên VietFarm cam kết thúc đẩy cơ hội kinh tế và tiếp cận thị trường bình đẳng thông qua ba cam kết cốt lõi: (1) Đảm bảo mọi thành viên đều có cơ hội tiếp cận thị trường bình đẳng, được tham gia thương lượng về giá bán và đóng vai trò chủ động trong các quyết định kinh doanh của tổ chức; (2) Đảm bảo không phân biệt đối xử trong tiếp cận vốn vay, kỹ thuật, đào tạo và cơ hội thị trường — mọi thành viên và người lao động đều được tiếp cận bình đẳng với các nguồn lực và cơ hội phát triển; (3) Xây dựng và thực hiện chiến lược kinh doanh phù hợp với định hướng phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, gắn với trách nhiệm xã hội và tích hợp các tiêu chí ESG trong hoạt động kinh doanh tại cộng đồng.

### PS 2.1 – Tiếp cận thị trường bình đẳng và công bằng cho tổ chức thành viên

#### SR 2.1.1 – Kế hoạch tìm kiếm và phát triển thị trường

Tổ chức thành viên phải xây dựng và thực hiện kế hoạch tìm kiếm, mở rộng và phát triển thị trường cho sản phẩm của tổ chức. Kế hoạch phải xác định rõ các thị trường mục tiêu, kênh phân phối, chiến lược tiếp cận khách hàng và lộ trình thực hiện, đồng thời được rà soát và cập nhật định kỳ theo diễn biến thị trường.

#### SR 2.1.2 – Quyền tham gia thương lượng giá bán của thành viên

Tổ chức thành viên phải đảm bảo các thành viên được thông tin đầy đủ về cơ chế xác định giá bán và có cơ hội tham gia thực chất vào quá trình thương lượng giá với người mua. Cơ chế thương lượng phải minh bạch, dân chủ và đảm bảo tiếng nói của các thành viên — đặc biệt là thành viên nhỏ và yếu thế — được phản ánh trong các quyết định về giá của tổ chức.

#### SR 2.1.3 – Cơ hội tham gia bình đẳng trong sản xuất kinh doanh của tổ chức

Tổ chức thành viên phải đảm bảo mọi thành viên có cơ hội tham gia bình đẳng trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức — bao gồm tham gia vào các quyết định chiến lược, tiếp cận cơ hội thị trường, hưởng lợi từ các hợp đồng thương mại và tham gia các chương trình hỗ trợ của tổ chức — không phụ thuộc vào quy mô sản xuất, vị trí địa lý, giới tính hay bất kỳ đặc điểm cá nhân nào khác.

### PS 2.2 – Tiếp cận bình đẳng và không phân biệt đối xử trong việc làm, vốn vay, kỹ thuật, đào tạo và thị trường

#### SR 2.2.1 – Đảm bảo tiếp cận bình đẳng với các nguồn lực và cơ hội phát triển

Tổ chức thành viên phải đảm bảo mọi thành viên và người lao động được tiếp cận bình đẳng và không bị phân biệt đối xử trong việc tiếp cận các nguồn lực và cơ hội phát triển, bao gồm: vốn vay và hỗ trợ tài chính; hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao công nghệ; đào tạo và nâng cao năng lực; và cơ hội tiếp cận thị trường. Nguyên tắc này được thực hiện theo bốn yêu cầu cụ thể:

- a) Bình đẳng trong tiếp cận: Mọi thành viên đều có quyền tiếp cận như nhau với các nguồn lực và cơ hội của tổ chức, không bị hạn chế bởi vị trí, giới tính, dân tộc, tình trạng kinh tế hoặc bất kỳ đặc điểm cá nhân nào không liên quan đến năng lực sản xuất.
- b) Không phân biệt đối xử: Không được áp dụng bất kỳ hình thức thiên vị hoặc loại trừ nào trong việc cung cấp vốn vay, hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo và cơ hội thị trường cho thành viên hoặc người lao động.
- c) Có minh chứng kiểm chứng: Tổ chức phải lưu giữ hồ sơ, dữ liệu và quy trình phân bổ nguồn lực để chứng minh việc tuân thủ nguyên tắc bình đẳng và không phân biệt đối xử khi được yêu cầu đánh giá.
- d) Tuân thủ pháp luật và chuẩn mực quốc tế: Việc thực hiện phải phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam hiện hành về bình đẳng và chống phân biệt đối xử, cũng như các chuẩn mực quốc tế có liên quan về công bằng xã hội và quyền con người.

[Tham chiếu: Bộ luật Lao động 2019; Luật Bình đẳng giới 2006; Công ước ILO số 100, 111; Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền]

## PS 2.3 – Chiến lược kinh doanh phù hợp với phát triển kinh tế và xã hội địa phương

### SR 2.3.1 – Xây dựng và thực hiện chiến lược kinh doanh gắn với phát triển bền vững địa phương

Tổ chức thành viên phải xây dựng và thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh phù hợp với định hướng phát triển kinh tế và xã hội của địa phương. Chiến lược kinh doanh phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- a) Phù hợp với phát triển kinh tế địa phương: Kế hoạch kinh doanh phải hỗ trợ tăng trưởng kinh tế bền vững, tạo việc làm ổn định và đóng góp vào nâng cao thu nhập và năng lực kinh tế của cộng đồng địa phương.
- b) Phù hợp với phát triển xã hội địa phương: Hoạt động kinh doanh phải góp phần cải thiện đời sống, thúc đẩy công bằng xã hội, hỗ trợ các nhóm yếu thế và tăng cường sự gắn kết cộng đồng.
- c) Có minh chứng thực hiện: Tổ chức phải lưu giữ hồ sơ về chiến lược, kế hoạch và kết quả thực hiện, đồng thời định kỳ đánh giá mức độ đóng góp của tổ chức đối với sự phát triển kinh tế và xã hội của địa phương.

### \*SR 2.3.2 – Tích hợp ESG trong chiến lược kinh doanh tại địa phương (Khuyến khích)

Khuyến khích tổ chức thành viên có Chiến lược và kế hoạch kinh doanh tích hợp các tiêu chí môi trường, xã hội và quản trị (ESG), đảm bảo hoạt động kinh doanh không gây tác động tiêu cực đến môi trường và cộng đồng địa phương. Tổ chức thành viên lưu giữ minh chứng về việc tích hợp yếu tố ESG trong các quyết định đầu tư và kinh doanh tại địa phương.

[Tham chiếu: PS 8.5 về tích hợp ESG trong quản trị tổ chức]

## CV 3 – Không sử dụng lao động trẻ em, lao động cưỡng bức và không phân biệt đối xử

Tổ chức thành viên VietFarm cam kết thực hành lao động có đạo đức và có trách nhiệm thông qua năm cam kết cốt lõi: (1) Tuyệt đối không sử dụng lao động trẻ em, đảm bảo quyền được học tập và bảo vệ trẻ em theo pháp luật quốc gia và các Công ước ILO, Công ước Quyền trẻ em; (2) Không sử dụng bất kỳ hình thức lao động cưỡng bức nào, đảm bảo hợp đồng lao động tự nguyện, mức lương thỏa đáng, thời giờ làm việc hợp lý và quyền tự do thành lập, gia nhập tổ chức đại diện người lao động; (3) Không phân biệt đối xử trong tuyển dụng, đào tạo, thăng tiến và mọi điều kiện làm việc; (4) Thiết lập và duy trì cơ chế tiếp nhận, giải quyết khiếu nại công bằng, bảo mật và có phản hồi thỏa đáng; (5) Giám sát, báo cáo và công khai minh bạch thông tin về chính sách lao động, điều kiện làm việc và kết quả thực hiện các cam kết này.

### PS 3.1 – Tổ chức thành viên không sử dụng lao động trẻ em

#### SR 3.1.1 – Tuân thủ pháp luật về độ tuổi lao động tối thiểu

Tổ chức thành viên phải tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật quốc gia về độ tuổi lao động tối thiểu và các quy định liên quan của Công ước ILO số 138 về tuổi lao động tối thiểu và Công ước ILO số 182 về các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất. Không được tuyển dụng hoặc sử dụng người dưới độ tuổi lao động tối thiểu theo quy định pháp luật hiện hành vào bất kỳ hoạt động sản xuất nào.

#### SR 3.1.2 – Chính sách không sử dụng lao động trẻ em

Tổ chức thành viên phải xây dựng và thực hiện chính sách không sử dụng lao động trẻ em bằng văn bản, phổ biến đến toàn bộ thành viên, người quản lý và người lao động. Chính sách phải nêu rõ các hành vi bị nghiêm cấm, trách nhiệm của từng cấp quản lý trong việc phát hiện và ngăn chặn lao động trẻ em, và cơ chế xử lý khi phát hiện vi phạm.

#### SR 3.1.3 – Điều kiện bảo vệ trẻ em khi tham gia hỗ trợ gia đình tại cơ sở sản xuất

Con cái của các thành viên dưới 15 tuổi có thể được phép giúp đỡ cha mẹ tại cơ sở sản xuất gia đình trong điều kiện tự nguyện, nhưng phải đảm bảo đầy đủ các yêu cầu bảo vệ sau:

- a) Thời gian tham gia không vượt quá 4 giờ/ngày và 20 giờ/tuần, không vào giờ học;
- b) Không được giao các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc có hại cho sự phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;
- c) Phải đảm bảo quyền được đến trường và tiếp cận đầy đủ các cơ hội giáo dục của trẻ;
- d) Phải áp dụng đầy đủ các biện pháp bảo hộ lao động và đảm bảo an toàn cho trẻ trong suốt thời gian tham gia lao động.

### PS 3.2 – Tổ chức thành viên không sử dụng lao động cưỡng bức

#### SR 3.2.1 – Tuân thủ pháp luật và các tiêu chuẩn lao động cơ bản

Tổ chức thành viên phải tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành về lao động, bao gồm các quy định về hợp đồng lao động, tiền lương, thời giờ làm việc và nghỉ ngơi, nghiêm cấm mọi hình thức lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc theo quy định của Công ước ILO số 29 và số 105.

#### SR 3.2.2 – Hợp đồng lao động tự nguyện và mức lương thỏa đáng

Tổ chức thành viên phải đảm bảo tất cả quan hệ lao động được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thông qua hợp đồng lao động rõ ràng và được thỏa thuận bình đẳng giữa các bên. Mức lương phải thỏa đáng, được trả đúng hạn và không thấp hơn mức lương tối thiểu theo quy định pháp luật. Người lao động phải được thông báo đầy đủ về các điều khoản hợp đồng trước khi ký kết.

**SR 3.2.3 – Quyền tự do tổ chức và thương lượng tập thể**

Tổ chức thành viên phải tôn trọng và bảo đảm quyền của người lao động trong việc tự do thành lập, gia nhập tổ chức công đoàn hoặc tổ chức đại diện người lao động và tham gia thương lượng tập thể theo cách thức dân chủ, tự nguyện và không bị can thiệp hoặc trù dập.

**SR 3.2.4 – Nghiêm cấm các hình thức ràng buộc và kiểm soát lao động trái pháp luật**

Tổ chức thành viên nghiêm cấm mọi hành vi ép buộc hoặc ràng buộc người lao động, bao gồm: giữ giấy tờ tùy thân hoặc tài sản của người lao động; yêu cầu đặt cọc như điều kiện để được làm việc; ép buộc làm thêm giờ ngoài ý muốn; ràng buộc nợ lao động thông qua môi giới hoặc bất kỳ bên thứ ba nào; hoặc bất kỳ hình thức kiểm soát nào hạn chế quyền tự do chấm dứt hợp đồng lao động của người lao động theo quy định pháp luật.

**SR 3.2.5 – Nghiêm cấm bạo lực, lạm dụng và quấy rối tại nơi làm việc**

Tổ chức thành viên nghiêm cấm mọi hình thức bạo lực thể chất, lạm dụng lời nói, bạo lực tinh thần, bắt nạt, quấy rối tình dục hoặc bất kỳ hình thức đối xử tàn nhẫn, hạ nhục hay xúc phạm nhân phẩm đối với thành viên và người lao động trong môi trường làm việc. Tổ chức phải có cơ chế để người lao động báo cáo an toàn và được bảo vệ khỏi sự trả thù khi tố cáo các hành vi này.

**PS 3.3 – Không phân biệt đối xử trong tổ chức và tại nơi làm việc****SR 3.3.1 – Chính sách không phân biệt đối xử toàn diện**

Tổ chức thành viên phải xây dựng và thực hiện chính sách không phân biệt đối xử bằng văn bản, áp dụng cho toàn bộ các hoạt động liên quan đến thành viên và người lao động. Chính sách phải nghiêm cấm mọi hình thức phân biệt đối xử dựa trên chủng tộc, màu da, giới tính, khuynh hướng tình dục, tình trạng hôn nhân, tuổi tác, khuyết tật, tình trạng sức khỏe (bao gồm HIV/AIDS), tôn giáo, quan điểm chính trị, ngôn ngữ, dân tộc, quốc tịch hoặc bất kỳ đặc điểm cá nhân nào khác không liên quan đến năng lực và yêu cầu công việc.

**SR 3.3.2 – Tuân thủ chính sách và không có hành vi kỳ thị trong thực tế**

Tất cả thành viên và người quản lý phải tuân thủ chính sách chống phân biệt đối xử trong mọi quyết định và hành vi tại nơi làm việc. Không được có bất kỳ hành vi kỳ thị hoặc phân biệt đối xử nào trong tuyển dụng, phân công công việc, đánh giá kết quả, đào tạo, thăng tiến, trả lương hoặc bất kỳ điều kiện làm việc nào khác. Tổ chức phải có cơ chế để phát hiện, xử lý và ngăn chặn các hành vi vi phạm chính sách này.

**SR 3.3.3 – Đảm bảo đối xử công bằng, bình đẳng về cơ hội và tôn trọng nhân phẩm**

Tổ chức thành viên phải đảm bảo mọi thành viên và người lao động được đối xử công bằng, tôn trọng nhân phẩm và có cơ hội tiếp cận bình đẳng trong tất cả các khía cạnh của quan hệ lao động. Đặc biệt, phải đảm bảo cơ hội bình đẳng cho phụ nữ, người khuyết tật và các nhóm dễ bị tổn thương trong tiếp cận việc làm, đào tạo, thăng tiến và tiếp cận thị trường.

**PS 3.4 – Cơ chế tiếp nhận và giải quyết khiếu nại thỏa đáng****SR 3.4.1 – Thiết lập cơ chế khiếu nại chính thức, bảo mật và đa kênh**

Tổ chức thành viên phải thiết lập và duy trì cơ chế chính thức để tiếp nhận phản hồi, khiếu nại và yêu cầu hòa giải từ người lao động, thành viên và các bên liên quan. Cơ chế phải cung cấp nhiều kênh tiếp nhận phù hợp, đảm bảo tính bảo mật và an toàn cho người khiếu nại, không để xảy ra trả thù hoặc phân biệt đối xử đối với người đã tố cáo hoặc khiếu nại.

**SR 3.4.2 – Quy trình giải quyết khiếu nại công bằng và có thời hạn**

Tổ chức thành viên phải có quy trình giải quyết khiếu nại được văn bản hóa, xác định rõ các bước xử lý, người chịu trách nhiệm, thời hạn phản hồi và giải quyết, cũng như cơ chế leo thang khi không đạt được thỏa thuận ở cấp đầu tiên. Mọi khiếu nại phải được xem xét công bằng, khách quan và không thiên vị.

**SR 3.4.3 – Lưu hồ sơ và báo cáo kết quả giải quyết khiếu nại**

Tổ chức thành viên phải lưu giữ đầy đủ hồ sơ về tất cả khiếu nại đã tiếp nhận, quá trình xử lý và kết quả giải quyết. Kết quả giải quyết phải được thông báo rõ ràng, bằng văn bản, đến người khiếu nại. Dữ liệu khiếu nại phải được định kỳ tổng hợp, phân tích để xác định xu hướng tái diễn và là cơ sở cho cải tiến chính sách lao động.

### **PS 3.5 – Giám sát, báo cáo và minh bạch thông tin về chính sách lao động**

#### **SR 3.5.1 – Tham vấn người lao động trong xây dựng và cải thiện chính sách**

Tổ chức thành viên phải thực hiện tham vấn người lao động và thành viên trong quá trình xây dựng, sửa đổi và triển khai các chính sách lao động. Kế hoạch cải thiện điều kiện làm việc và thực hiện các chính sách phải được chia sẻ công khai với người lao động và các bên liên quan.

#### **SR 3.5.2 – Minh bạch thông tin về chính sách lao động và quyền lợi**

Tổ chức thành viên phải công khai và minh bạch toàn bộ thông tin về chính sách lao động đến người lao động và thành viên, bao gồm: chế độ lương, thưởng, phụ cấp và các phúc lợi; điều kiện làm việc; quyền và nghĩa vụ của người lao động; và kết quả đánh giá thực hiện chính sách. Thông tin phải được trình bày bằng ngôn ngữ mà người lao động có thể hiểu được.

#### **SR 3.5.3 – Theo dõi và báo cáo định kỳ về tình hình lao động và bình đẳng**

Tổ chức thành viên phải định kỳ theo dõi và báo cáo về tình hình thực hiện các chính sách lao động, bao gồm: tình hình lao động chung; việc thực hiện chính sách bình đẳng giới và đa dạng giới ở các cấp quản lý; tiến độ cải thiện điều kiện làm việc; và kết quả xử lý khiếu nại. Báo cáo phải được chia sẻ với các bên liên quan và lưu giữ để phục vụ đánh giá chứng nhận.

#### **SR 3.5.4 – Hệ thống quản lý thông tin và bảo mật dữ liệu người lao động**

Tổ chức thành viên phải thiết lập hệ thống quản lý và lưu trữ thông tin lao động đầy đủ và có tổ chức, bao gồm: hồ sơ đào tạo và phát triển nhân sự; hồ sơ an toàn lao động; hồ sơ khiếu nại và giải quyết khiếu nại; và biên bản các cuộc họp quản trị có liên quan. Thông tin cá nhân của người lao động phải được bảo mật theo quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và chỉ được sử dụng cho mục đích quản lý lao động hợp pháp.

## CV 4 – Điều kiện sản xuất sạch và an toàn lao động

Tổ chức thành viên VietFarm cam kết thực hiện điều kiện sản xuất sạch và an toàn lao động thông qua hai cam kết cốt lõi: (1) Đảm bảo môi trường và điều kiện sản xuất an toàn — bao gồm bảo quản và ghi nhãn hóa chất đúng quy định, kiểm soát chất lượng môi trường khu vực sản xuất, duy trì cơ sở hạ tầng an toàn, phòng cháy chữa cháy, ứng phó khẩn cấp, quản lý bao bì hóa chất và áp dụng thực hành sản xuất thân thiện với môi trường; (2) Đảm bảo sức khỏe và an toàn lao động cho tất cả thành viên và người lao động — thông qua nhận diện và kiểm soát mối nguy, đào tạo an toàn, trang bị bảo hộ, bố trí công việc phù hợp, vệ sinh nơi làm việc, chăm sóc sức khỏe định kỳ và tuân thủ pháp luật về an toàn vệ sinh lao động.

### PS 4.1 – Tổ chức thành viên đảm bảo môi trường và điều kiện sản xuất an toàn

#### SR 4.1.1 – Bảo quản và ghi nhãn vật tư nông nghiệp và hóa chất

Tất cả dụng cụ chứa và khu vực lưu trữ vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y) và các hóa chất khác phải được ghi nhãn rõ ràng, đầy đủ thông tin. Vật tư và hóa chất phải được bảo quản an toàn, cách ly với khu vực nhà ở, kho thành phẩm và nguồn nước. Khu vực lưu trữ hóa chất độc hại phải có biển báo cảnh báo, nội quy sử dụng và hướng dẫn an toàn cho người lao động, được đặt ở vị trí dễ thấy.

#### SR 4.1.2 – An toàn môi trường khu vực sản xuất

Khu vực sản xuất phải đảm bảo an toàn cho người lao động và cộng đồng thông qua việc kiểm soát chất lượng không khí (bao gồm bụi khoáng và khói), đảm bảo ánh sáng phù hợp và duy trì mức tiếng ồn trong giới hạn cho phép theo quy định pháp luật. Tổ chức thành viên phải có các biện pháp chủ động để giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm khu vực sản xuất từ các nguồn bên ngoài, bao gồm: hoạt động giao thông, khu công nghiệp, làng nghề, khu dân cư, bệnh viện, cơ sở chăn nuôi và giết mổ, nghĩa trang, bãi rác và các hoạt động tiềm ẩn rủi ro khác.

#### SR 4.1.3 – An toàn và vệ sinh tại cơ sở chế biến, bảo quản sản phẩm

Cơ sở chế biến và bảo quản sản phẩm phải đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn lao động và vệ sinh thực phẩm theo quy định pháp luật hiện hành. Các điều kiện vệ sinh và cơ sở hạ tầng phải được duy trì thường xuyên để ngăn ngừa nguy cơ ô nhiễm và mất an toàn cho người lao động và sản phẩm.

[Tham chiếu: SR 6.3 về tuân thủ quy định an toàn vệ sinh thực phẩm]

#### SR 4.1.4 – Kiểm tra định kỳ, đánh giá và bảo trì cơ sở hạ tầng sản xuất

Tổ chức thành viên phải định kỳ kiểm tra và lập hồ sơ đánh giá an toàn đối với tất cả công trình, nhà kho, cơ sở sơ chế, chuồng trại và khu vực sản xuất, nhằm phát hiện kịp thời các nguy cơ mất an toàn và có biện pháp xử lý phù hợp. Tổ chức thành viên phải thường xuyên bảo trì, sửa chữa và khắc phục kịp thời các hạng mục hư hỏng, xuống cấp, nhằm đảm bảo toàn bộ công trình và khu vực sản xuất luôn ổn định, an toàn và phù hợp với hoạt động sản xuất.

- a) Nhận diện và đánh giá rủi ro điện: Tổ chức thành viên phải chủ động nhận diện các nguy cơ liên quan đến hệ thống điện trong khu vực sản xuất, bao gồm: dây dẫn hở hoặc xuống cấp, mối nối điện ẩm ướt, thiết bị điện hư hỏng và bảng điện không được che chắn. Các nguy cơ này phải được đưa vào kế hoạch đánh giá rủi ro lao động và được rà soát, cập nhật ít nhất mỗi năm một lần hoặc khi có thay đổi về hệ thống hoặc thiết bị điện.
- b) Phòng cháy chữa cháy và ứng phó sự cố cháy nổ: Tổ chức thành viên phải trang bị bình chữa cháy, nguồn nước chữa cháy và hệ thống báo cháy phù hợp với quy mô và đặc điểm của cơ sở sản xuất. Biển chỉ dẫn và cảnh báo nguy hiểm phải được đặt ở vị trí dễ thấy, trình bày bằng ngôn ngữ của người lao động hoặc sử dụng ký hiệu/pictogram quốc

tế. Tất cả người lao động phải được tập huấn về phòng cháy, quy trình ứng cứu khẩn cấp, thoát hiểm và xử lý khi xảy ra cháy nổ.

- c) Lối thoát hiểm và đường thoát nạn: Tổ chức thành viên phải duy trì và kiểm tra định kỳ tất cả lối thoát hiểm và đường thoát nạn để đảm bảo chúng luôn thông thoáng, dễ tiếp cận, có biển chỉ dẫn rõ ràng và hoạt động hiệu quả trong các tình huống khẩn cấp.
- d) Trang thiết bị sơ cứu: Tổ chức thành viên phải trang bị đầy đủ dụng cụ và thuốc sơ cứu tại khu vực sản xuất, kèm theo hướng dẫn sơ cứu rõ ràng để người lao động có thể sử dụng khi cần thiết. Hộp sơ cứu phải được kiểm tra và bổ sung định kỳ.
- e) Kế hoạch ứng phó khẩn cấp: Tổ chức thành viên phải xây dựng, duy trì và công khai kế hoạch ứng phó khẩn cấp bằng văn bản, bao gồm quy trình sơ tán rõ ràng, phù hợp với điều kiện thực tế của cơ sở sản xuất. Kế hoạch phải dễ tiếp cận và được truyền đạt để tất cả người lao động và khách thăm có thể hiểu và thực hiện đúng khi xảy ra sự cố.
- f) Thông tin an toàn lao động bằng ngôn ngữ phù hợp: Tất cả quy trình, hướng dẫn và biển báo liên quan đến an toàn lao động, ứng phó khẩn cấp và sử dụng hóa chất phải được trình bày bằng ngôn ngữ mà người lao động có thể hiểu được, hoặc đi kèm ký hiệu/pictogram để nhận biết. Tài liệu và biển báo phải được bố trí tại các vị trí dễ thấy và dễ tiếp cận trong khu vực sản xuất.

#### **SR 4.1.5 – Bao bì và dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm**

Bao bì và dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm phải đáp ứng các quy định pháp luật về bao bì và dụng cụ tiếp xúc thực phẩm. Nghiêm cấm tái sử dụng bao bì đã đựng hóa chất (chai, thùng, bao bì) để chứa nước uống, thực phẩm, phân bón hữu cơ hoặc bất kỳ sản phẩm nào khác, kể cả trong trường hợp đã làm sạch.

#### **SR 4.1.6 – Quản lý an toàn bao bì hóa chất đã qua sử dụng**

Bao bì đã đựng hóa chất nông nghiệp (chai, thùng, bao bì thuốc bảo vệ thực vật và các hóa chất khác) phải được thu gom an toàn, ngăn chặn tái sử dụng và xử lý theo đúng quy định pháp luật về thu gom, vận chuyển và tiêu hủy bao gói thuốc bảo vệ thực vật. Người lao động phải được hướng dẫn cụ thể về cách quản lý bao bì có chứa hóa chất độc hại. Nghiêm cấm đốt bao bì đã qua sử dụng.

#### **SR 4.1.7 – Áp dụng thực hành sản xuất thân thiện môi trường và giảm phát thải (Khuyến khích)**

Tổ chức thành viên được khuyến khích áp dụng các biện pháp sản xuất thân thiện với môi trường và cải tiến công nghệ, máy móc thiết bị theo hướng giảm phát thải khí nhà kính, hướng tới mục tiêu sản xuất bền vững và phát thải thấp.

### **PS 4.2 – Đảm bảo điều kiện an toàn và sức khỏe cho thành viên và người lao động**

#### **SR 4.2.1 – Nhận diện và kiểm soát mối nguy an toàn lao động**

Tổ chức thành viên phải chủ động nhận diện, đánh giá và có biện pháp phòng ngừa hoặc loại trừ các mối nguy về an toàn lao động, nhằm ngăn chặn tai nạn, thương tích và bệnh nghề nghiệp có thể phát sinh trong quá trình sản xuất. Kết quả nhận diện mối nguy phải được lập thành văn bản và được cập nhật khi có thay đổi về điều kiện sản xuất hoặc sau mỗi sự cố.

#### **SR 4.2.2 – Đào tạo và nâng cao nhận thức về an toàn, sức khỏe lao động**

Tổ chức thành viên phải xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, nâng cao nhận thức về an toàn và sức khỏe lao động cho tất cả người lao động tại cơ sở sản xuất. Chương trình đào tạo phải đảm bảo người lao động có đủ kiến thức và kỹ năng để:

- a) Phòng ngừa tai nạn lao động trong điều kiện sản xuất cụ thể;
- b) Nhận biết và phản ứng kịp thời, hiệu quả khi xảy ra tai nạn hoặc sự cố;
- c) Thực hiện đúng các quy trình ứng phó khẩn cấp và sơ cứu cơ bản.

Kế hoạch đào tạo phải được lưu hồ sơ, bao gồm nội dung, danh sách người tham gia và kết quả đào tạo.

**SR 4.2.3 – Trang bị bảo hộ lao động và phương tiện an toàn cá nhân**

Tổ chức thành viên phải cung cấp đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động (PPE) và phương tiện an toàn cá nhân phù hợp với từng loại công việc và mức độ rủi ro tương ứng. Việc sử dụng trang thiết bị bảo hộ phải được hướng dẫn và giám sát, nhằm bảo vệ sức khỏe người lao động và giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm cho sản phẩm trong quá trình sản xuất.

**SR 4.2.4 – Bố trí công việc phù hợp cho các nhóm lao động đặc thù**

Tổ chức thành viên phải đảm bảo điều kiện làm việc an toàn và phù hợp cho các nhóm lao động có hoàn cảnh đặc biệt, bao gồm: lao động nữ trong thời kỳ mang thai và nuôi con bú, người lao động lớn tuổi, người lao động có sức khỏe hạn chế và các đối tượng dễ bị tổn thương khác. Việc bố trí công việc phải căn cứ vào đặc thù sức khỏe và năng lực thực tế của từng đối tượng, tránh giao việc nặng nhọc, độc hại hoặc có nguy cơ rủi ro cao không phù hợp.

**SR 4.2.5 – Điều kiện vệ sinh cơ bản tại nơi làm việc**

Tổ chức thành viên phải đảm bảo cung cấp đầy đủ nước uống sạch, an toàn và các công trình vệ sinh cá nhân (nhà vệ sinh, khu rửa tay) đáp ứng nhu cầu của người lao động trong quá trình làm việc. Các công trình vệ sinh phải được bảo trì, vệ sinh thường xuyên và tách biệt theo giới tính khi có điều kiện.

**SR 4.2.6 – Yêu cầu sức khỏe đặc biệt trong chế biến và đóng gói sản phẩm**

Đối với các công đoạn chế biến, đóng gói và hoàn thiện sản phẩm có yêu cầu đặc biệt về vệ sinh thực phẩm, tổ chức thành viên phải đảm bảo người lao động đáp ứng các điều kiện sức khỏe theo quy định, đặc biệt là không mắc các bệnh truyền nhiễm hoặc lây nhiễm có thể ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm. Cơ chế theo dõi và phân công lao động phải được thiết lập để đảm bảo tuân thủ yêu cầu này trong thực tế.

**SR 4.2.7 – Chăm sóc sức khỏe và khám định kỳ cho người lao động**

Tổ chức thành viên phải tạo điều kiện để người lao động được tiếp cận dịch vụ khám, chữa bệnh nhằm duy trì đủ sức khỏe tham gia lao động. Người lao động có nguy cơ tiếp xúc với hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật hoặc các yếu tố rủi ro trong quá trình sản xuất phải được khám sức khỏe định kỳ theo kết quả đánh giá rủi ro và hướng dẫn của pháp luật hiện hành. Tổ chức thành viên có trách nhiệm hướng dẫn và hỗ trợ người lao động tiếp cận các dịch vụ y tế khi cần thiết, kể cả trong các trường hợp khẩn cấp.

**SR 4.2.8 – Phân công trách nhiệm quản lý an toàn và sức khỏe lao động**

Tổ chức thành viên phải phân công rõ ràng, bằng văn bản, một cá nhân hoặc bộ phận trong ban quản lý chịu trách nhiệm về công tác an toàn, sức khỏe lao động và phúc lợi cho người lao động. Người được phân công phải có đủ thẩm quyền và năng lực để triển khai, giám sát và báo cáo về các hoạt động an toàn lao động trong tổ chức.

**SR 4.2.9 – Tuân thủ pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động**

Tổ chức thành viên phải tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam về an toàn, vệ sinh lao động, bao gồm nhưng không giới hạn ở Luật An toàn, Vệ sinh Lao động năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Khi pháp luật được sửa đổi, bổ sung, tổ chức thành viên có trách nhiệm cập nhật và điều chỉnh các hoạt động của mình cho phù hợp.

## CV 5 – Đảm bảo môi trường bền vững trong sản xuất

Phát triển nông nghiệp bền vững đòi hỏi sử dụng nguồn lực sản xuất có trách nhiệm, bảo vệ môi trường sống của cộng đồng và duy trì sự lành mạnh của hệ sinh thái — đây là xu thế và yêu cầu tất yếu trong bối cảnh biến đổi khí hậu và suy giảm tài nguyên toàn cầu hiện nay. Tổ chức thành viên VietFarm cam kết thực hành sản xuất theo các nguyên tắc đảm bảo môi trường và hệ sinh thái bền vững, thể hiện qua sáu cam kết cốt lõi: (1) Giảm tối đa tác động tiêu cực lên đất, nước và không khí trong quá trình sản xuất; (2) Thực hành sản xuất đa dạng, thuận tự nhiên, bảo vệ các loài sinh vật có ích và hệ sinh thái thủy sinh; (3) Quản lý năng lượng hiệu quả, ưu tiên năng lượng tái tạo và giảm phát thải khí nhà kính; (4) Quản lý chất thải toàn diện, sử dụng vật tư và bao bì thân thiện với môi trường; (5) Bảo vệ đa dạng sinh học, tôn trọng sinh thái bản địa, phục hồi môi trường bị thoái hóa và không xâm phạm các khu vực bảo tồn thiên nhiên; (6) Định kỳ giám sát, đánh giá chất lượng môi trường và tuân thủ đầy đủ pháp luật quốc gia và các điều ước quốc tế về bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học.

### PS 5.1 – Giảm tối đa tác động tiêu cực lên môi trường trong quá trình sản xuất

#### SR 5.1.1 – Đánh giá rủi ro môi trường và phân tích chất lượng đất, nước

Tổ chức thành viên phải nhận diện các mối nguy tiềm ẩn, đánh giá rủi ro và tác động từ hoạt động sản xuất đến đất và nước (bao gồm hóa chất, vi sinh vật và kim loại nặng), đồng thời lập kế hoạch kiểm soát để giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm. Phải thực hiện phân tích mẫu đất và nước định kỳ tại phòng thử nghiệm có năng lực (khuyến nghị là được công nhận theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025) nhằm phát hiện sớm ô nhiễm kim loại nặng hoặc hóa chất độc hại. Kết quả phân tích và các biện pháp khắc phục phải được lập hồ sơ và lưu giữ đầy đủ.

#### SR 5.1.2 – Quy trình sản xuất bảo vệ môi trường sinh thái

Tổ chức thành viên phải thiết lập và tuân thủ quy trình sản xuất an toàn cho môi trường, nghiêm cấm sử dụng hóa chất cấm, thuốc diệt cỏ không được phép, hormone tăng trưởng và các chất gây ô nhiễm có thể ảnh hưởng đến hệ sinh thái tại trang trại và khu vực xung quanh. Trong trường hợp sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phải có biện pháp ngăn chặn sự phát tán sang khu vực lân cận, bao gồm: duy trì vùng đệm tối thiểu 50 m xung quanh khu dân cư; đặt biển cảnh báo tại khu vực vừa phun thuốc; thuốc bảo vệ thực vật đã pha nhưng chưa sử dụng hết phải được thu gom và xử lý theo quy định về chất thải nguy hại.

#### SR 5.1.3 – Quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) thân thiện với môi trường

Tổ chức thành viên phải áp dụng phương pháp quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), ưu tiên các giải pháp sinh học và kỹ thuật canh tác, hạn chế tối đa sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hóa học, bảo vệ các sinh vật có ích trong đất và trên đồng ruộng nhằm duy trì đa dạng sinh học và cân bằng hệ sinh thái. Các biện pháp có thể bao gồm: biện pháp canh tác: luân canh, xen canh, sử dụng giống kháng bệnh; biện pháp sinh học: thuốc sinh học, chế phẩm từ thực vật tự nhiên, thiên địch; biện pháp vật lý: bẫy, lưới che, hàng rào vật lý;

### PS 5.2 – Thực hành sản xuất bền vững và bảo tồn đa dạng sinh học tại khu vực sản xuất

#### SR 5.2.1 – Đa dạng hóa loài và hoạt động sản xuất theo hướng thuận tự nhiên

Tổ chức thành viên phải có kế hoạch đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi hoặc kết hợp các hoạt động phi nông nghiệp theo hướng thuận tự nhiên nhằm duy trì sự đa dạng về loài và hệ sinh thái. Phải tạo và duy trì môi trường sống phù hợp cho các loài sinh vật có ích trong và xung quanh khu vực sản xuất.

#### SR 5.2.2 – Bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên và nguồn nước

Tổ chức thành viên phải bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên, nguồn nước mặt và nước ngầm, hệ sinh thái thủy sinh trong và xung quanh khu vực canh tác. Không được thực hiện các hoạt động gây suy giảm, ô nhiễm hoặc phá vỡ cân bằng của các hệ sinh thái này.

### PS 5.3 – Quản lý năng lượng và giảm phát thải khí nhà kính

#### SR 5.3.1 – Kế hoạch và biện pháp giảm tiêu thụ năng lượng không tái tạo

Tổ chức thành viên phải xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm tiêu thụ năng lượng không tái tạo trong hoạt động sản xuất, hướng tới giảm phát thải khí nhà kính. Kế hoạch phải bao gồm các biện pháp cụ thể, có thể đo lường được, và được rà soát định kỳ để đánh giá tiến độ thực hiện.

#### \*SR 5.3.2 – Khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo (Khuyến khích)

Tổ chức thành viên được khuyến khích ưu tiên sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo phù hợp với điều kiện địa phương, bao gồm năng lượng mặt trời, năng lượng gió, năng lượng nước, năng lượng sinh khối và các công nghệ sạch khác có thể áp dụng trong điều kiện thực tế.

### PS 5.4 – Quản lý chất thải và giảm ảnh hưởng của rác thải đến môi trường

#### SR 5.4.1 – Kế hoạch quản lý chất thải toàn diện

Tổ chức thành viên phải lập và thực hiện kế hoạch quản lý chất thải toàn diện, bao gồm thu gom, phân loại tại nguồn, tái sử dụng, tái chế và xử lý an toàn các loại chất thải phát sinh trong sản xuất, sơ chế và chế biến, nhằm bảo vệ môi trường và sức khỏe con người.

#### SR 5.4.2 – Sử dụng vật tư và bao bì thân thiện với môi trường

Tổ chức thành viên phải ưu tiên sử dụng vật tư, nguyên liệu và bao bì thân thiện với môi trường trong sản xuất và trong toàn bộ vòng đời sản phẩm. Hạn chế tối đa việc sử dụng các vật liệu khó phân hủy; trường hợp phải sử dụng, phải có biện pháp thu gom và xử lý phù hợp.

#### SR 5.4.3 – Thu gom, phân loại và lưu trữ rác thải sản xuất

Tổ chức thành viên phải có biện pháp thu gom và phân loại rác thải trong quá trình sản xuất và sơ chế. Rác thải vô cơ và khó phân hủy phải được lưu trữ tại khu vực riêng biệt, có mái che và thùng/bể chứa chuyên dụng, đặc biệt đối với bao bì chứa hóa chất nông nghiệp. Chất thải nguy hại phải được xử lý theo đúng quy định pháp luật — nghiêm cấm đốt rác thải tại khu vực sản xuất.

(Tham chiếu: Xem thêm VFS-CROP SR1.4.1; VFS-LS SR1.4.1)

#### SR 5.4.4 – Nghiêm cấm tái sử dụng bao bì hóa chất

Tuyệt đối không được tái sử dụng bao bì, thùng chứa đã đựng phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật hoặc hóa chất để chứa đựng sản phẩm, thực phẩm, nước uống hoặc bất kỳ vật phẩm nào khác, kể cả sau khi đã làm sạch.

(Tham chiếu: Xem thêm VFS-CROP SR1.4.2; VFS-LS SR1.4.2)

### PS 5.5 – Bảo vệ đa dạng sinh học, hệ sinh thái và không gian tự nhiên

#### SR 5.5.1 – Tôn trọng và bảo tồn sinh thái bản địa

Tổ chức thành viên phải tôn trọng và hỗ trợ các thực hành tập quán bản địa trong bảo vệ môi trường, bao gồm: xác định và bảo vệ các loài động, thực vật quý hiếm tại địa phương; trồng và bảo vệ các loài cây bản địa trong và xung quanh khu vực sản xuất; không xâm lấn hoặc mở rộng diện tích canh tác vào các khu vực bảo tồn thiên nhiên, rừng phòng hộ hoặc vùng đệm sinh thái; tuân thủ các quy định của pháp luật về vùng đệm với khu bảo tồn.

#### SR 5.5.2 – Đánh giá rủi ro và kế hoạch bảo vệ đa dạng sinh học

Tổ chức thành viên phải thực hiện đánh giá rủi ro tác động của hoạt động sản xuất đến đa dạng sinh học, và xây dựng kế hoạch bảo vệ đa dạng sinh học trong và ngoài khu vực canh tác, bao gồm: duy trì hành lang sinh học và vùng đệm tự nhiên; bảo vệ các loài thụ phấn tự

nhiên (ong, bướm...) và thiên địch có ích; áp dụng biện pháp canh tác thân thiện với đa dạng sinh học; giám sát và đánh giá định kỳ tác động của hoạt động sản xuất đến đa dạng sinh học.

#### **SR 5.5.3 – Phục hồi và cải thiện môi trường sinh thái bị thoái hóa**

Tổ chức thành viên phải áp dụng các biện pháp chủ động để khôi phục và cải thiện các khu vực môi trường sinh thái bị thoái hóa trong hoặc liền kề khu vực sản xuất, ưu tiên tạo môi trường sống cho các loài bị đe dọa hoặc có nguy cơ tuyệt chủng tại địa phương.

#### **SR 5.5.4 – Chống suy thoái tài nguyên môi trường**

Tổ chức thành viên phải thực hiện các biện pháp ngăn chặn và giảm thiểu suy thoái tài nguyên môi trường, bao gồm: chống xói mòn đất, bảo vệ nguồn nước, bảo vệ rừng và duy trì độ che phủ thực vật. Nghiêm cấm phá rừng hoặc đốt rừng, đốt thực bì để mở rộng canh tác.

#### **SR 5.5.5 – Nâng cao nhận thức và năng lực bảo tồn đa dạng sinh học**

Tổ chức thành viên phải tổ chức đào tạo, nâng cao nhận thức về bảo tồn đa dạng sinh học cho thành viên và người lao động, bao gồm: chia sẻ kiến thức về các loài bản địa cần được bảo vệ; khuyến khích tham gia các chương trình bảo tồn tại địa phương; và bảo vệ các loài đang bị đe dọa hoặc có nguy cơ tuyệt chủng.

### **PS 5.6 – Giám sát môi trường, cải thiện liên tục và tuân thủ pháp luật**

#### **SR 5.6.1 – Đánh giá định kỳ và cải thiện chất lượng môi trường sinh thái**

Tổ chức thành viên phải định kỳ đánh giá chất lượng môi trường sinh thái trong và xung quanh khu vực sản xuất, bao gồm chất lượng đất, nước, không khí và hiện trạng đa dạng sinh học. Kết quả đánh giá phải được sử dụng để lập kế hoạch cải thiện liên tục và điều chỉnh các biện pháp quản lý môi trường cho phù hợp.

#### **SR 5.6.2 – Không săn bắt, buôn bán động vật hoang dã và không phá rừng**

Tổ chức thành viên và người lao động nghiêm cấm mọi hành vi săn bắt, bẫy, buôn bán hoặc sử dụng động vật hoang dã trái phép. Nghiêm cấm phá rừng tự nhiên, đốt rừng hoặc bất kỳ hành động nào gây suy giảm diện tích rừng để phục vụ mục đích sản xuất nông nghiệp.

#### **SR 5.6.3 – Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học**

Tổ chức thành viên phải tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên về bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học. Khi pháp luật được sửa đổi, bổ sung, tổ chức thành viên có trách nhiệm cập nhật và điều chỉnh hoạt động của mình cho phù hợp.

*[Tham chiếu: Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14; Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 và văn bản sửa đổi; Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14; Công ước CBD về Đa dạng sinh học]*

## CV 6 – Sản xuất sản phẩm an toàn và tự nhiên

Sản phẩm an toàn và tự nhiên là nền tảng bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng và là cam kết cốt lõi của hệ thống VietFarm. Tổ chức thành viên VietFarm cam kết sản xuất sản phẩm an toàn và tự nhiên thông qua năm cam kết cốt lõi: (1) Sử dụng nguồn giống có xuất xứ rõ ràng, ưu tiên bảo tồn và phát triển giống địa phương, tuyệt đối không sử dụng giống hoặc vật liệu biến đổi gen (GMO); (2) Kiểm soát chặt chẽ chất lượng và nguồn gốc các yếu tố đầu vào — bao gồm đất, nước, phân bón, thức ăn chăn nuôi và thuốc bảo vệ thực vật — đảm bảo an toàn, hợp pháp và không gây rủi ro cho sản phẩm và môi trường; (3) Tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm trong toàn bộ chuỗi sản xuất từ canh tác, chăn nuôi, thu hoạch, giết mổ, sơ chế, chế biến, đóng gói đến vận chuyển và tiêu thụ; (4) Xây dựng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm, thực hiện kiểm tra, phân tích mẫu định kỳ tại phòng thử nghiệm được công nhận; (5) Có quy trình thu hồi sản phẩm không đạt yêu cầu rõ ràng, đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc và xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố về chất lượng hoặc an toàn thực phẩm.

### PS 6.1 – Tổ chức thành viên sử dụng các nguồn giống đảm bảo, bảo tồn giống địa phương và không sử dụng giống biến đổi gen

#### SR 6.1.1 – Nguồn gốc giống rõ ràng

Giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản phải có nguồn gốc rõ ràng, có thể truy xuất được, và được mua từ các nguồn cung cấp hợp pháp, đáng tin cậy. Hồ sơ về nguồn gốc giống phải được lưu giữ và cập nhật theo từng vụ sản xuất.

#### \*SR 6.1.2 – Khuyến khích bảo tồn và sử dụng giống địa phương

Tổ chức thành viên được khuyến khích ưu tiên sử dụng và bảo tồn các giống địa phương hoặc giống bản địa có khả năng kháng sâu bệnh, chịu hạn và thích ứng với biến đổi khí hậu, nhằm bảo tồn đa dạng sinh học và giảm phụ thuộc vào giống nhập ngoại.

#### SR 6.1.3 – Nghiêm cấm sử dụng giống biến đổi gen (GMO)

Tuyệt đối không sử dụng giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản hoặc bất kỳ vật liệu sản xuất nào có nguồn gốc biến đổi gen (GMO) trong quá trình sản xuất của tổ chức thành viên.

### PS 6.2 – Sử dụng nguyên liệu đầu vào an toàn

#### SR 6.2.1 – Kiểm tra chất lượng đầu vào

Tổ chức thành viên phải kiểm tra chất lượng các yếu tố đầu vào (nước, đất, giá thể, giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi...) để đảm bảo chúng an toàn, hợp pháp và phù hợp với yêu cầu sản xuất. Kiểm tra thông qua lấy mẫu phân tích đất, nước và các hình thức kiểm tra phù hợp khác. Toàn bộ kết quả kiểm tra và chứng từ đầu vào phải được lưu giữ đầy đủ.

#### SR 6.2.2 – Sử dụng phân bón và thức ăn an toàn, thân thiện môi trường

Tổ chức thành viên phải sử dụng phân bón và thức ăn chăn nuôi phù hợp với quy định, ưu tiên các sản phẩm vi sinh, phương pháp sinh học và vật lý. Trong quản lý dịch hại, cần tôn trọng ngưỡng gây hại tự nhiên, tăng cường sử dụng các hoạt chất sinh học và bài thuốc truyền thống, hạn chế tối đa hóa chất tổng hợp.

#### SR 6.2.3 – Nghiêm cấm sử dụng hóa chất bị cấm

Nghiêm cấm sử dụng thuốc trừ sâu, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc diệt cỏ và các hóa chất bị cấm có thể gây ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm và hệ sinh thái xung quanh.

*[Tham chiếu: Danh mục hóa chất cấm tại theo quy định của pháp luật hiện hành và Phụ Lục: Danh mục chất cấm theo tiêu chuẩn VietFarm]*

#### SR 6.2.4 – Kiểm soát hàm lượng kim loại nặng

Tổ chức thành viên phải có biện pháp kiểm soát hàm lượng kim loại nặng trong đất, nước và sản phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo các chỉ tiêu kim loại nặng không vượt mức giới hạn cho phép.

[Tham chiếu: Tiêu chuẩn hiện hành theo QCVN 03-MT:2015/BTNMT về Giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất; QCVN 08-MT:2015/BTNMT về nước mặt; QCVN 02:2009/BYT về nước sinh hoạt.

### PS 6.3 – Tuân thủ quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm hiện hành

#### SR 6.3.1 – Chính sách an toàn thực phẩm, phân công trách nhiệm và đào tạo

Tổ chức thành viên phải xây dựng chính sách an toàn thực phẩm (hoặc an toàn thực ăn chăn nuôi) bằng văn bản, phổ biến đến toàn bộ người lao động và đảm bảo họ được đào tạo để hiểu và thực hiện đúng chính sách này. Hồ sơ minh chứng về các hoạt động đào tạo và truyền thông phải được lưu giữ đầy đủ. Tổ chức thành viên phải phân công bằng văn bản một người có đủ năng lực chịu trách nhiệm triển khai, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của tổ chức. Người được phân công phải có đủ thẩm quyền để thực hiện nhiệm vụ này một cách hiệu quả.

#### SR 6.3.2 – Nhận diện mối nguy và kiểm soát rủi ro an toàn thực phẩm

Tổ chức thành viên phải nhận diện đầy đủ các mối nguy sinh học, hóa học và vật lý có thể ảnh hưởng đến chất lượng và an toàn sản phẩm trong toàn bộ chuỗi sản xuất. Kết quả nhận diện phải được phân tích theo mức độ rủi ro, từ đó thiết lập các biện pháp kiểm soát phù hợp áp dụng xuyên suốt các công đoạn: canh tác/chăn nuôi, thu hoạch/xuất chuồng, xử lý sau thu hoạch/giết mổ, bảo quản, vận chuyển và lưu thông. Kết quả nhận diện và biện pháp kiểm soát phải được lập thành văn bản và cập nhật định kỳ hoặc khi có thay đổi về điều kiện sản xuất.

[Tham chiếu: Nguyên tắc HACCP – Phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn]

#### SR 6.3.3 – Quản lý nội bộ trong sản xuất: thu hoạch, sơ chế, chế biến, đóng gói và vận chuyển

Tổ chức thành viên phải có hệ thống quản lý nội bộ đối với toàn bộ các công đoạn từ thu hoạch đến tiêu thụ sản phẩm trồng trọt,

(Dẫn chiếu: Tuân thủ VFS-CROP SR 6.1.1, SR 6.1.2, SR 6.1.3, SR 6.1.4)

#### SR 6.3.4 – Có thông số kỹ thuật đối với vật tư, nguyên liệu và dịch vụ đầu vào

Tổ chức thành viên phải thiết lập và duy trì đầy đủ các thông số kỹ thuật đối với vật tư, nguyên liệu và dịch vụ sử dụng trong sản xuất. Các thông số phải mô tả rõ yêu cầu tối thiểu về chất lượng, nguồn gốc, đặc tính kỹ thuật và điều kiện sử dụng, nhằm đảm bảo mọi yếu tố đầu vào đều an toàn và không gây rủi ro cho chất lượng sản phẩm:

#### SR 6.3.5 – Sản phẩm được sản xuất an toàn, Tuân thủ pháp luật về an toàn thực phẩm

Tổ chức thành viên phải tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành về an toàn thực phẩm, bao gồm Luật An toàn thực phẩm và các văn bản hướng dẫn thi hành, đặc biệt là các quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, sơ chế và chế biến nông lâm thủy sản. Tổ chức thành viên phải đáp ứng các điều kiện để được cấp hoặc duy trì Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định. Khi pháp luật được sửa đổi, bổ sung, tổ chức thành viên có trách nhiệm cập nhật và điều chỉnh hoạt động của mình cho phù hợp.

[Tham chiếu: Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 và văn bản sửa đổi; Luật số 28/2018/QH14 ngày 15/6/2018; Văn bản hợp nhất số 61/VBHN-VPQH ngày 15/8/2025; Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT; Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT]

### PS 6.4 – Sản phẩm của tổ chức thành viên phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng và an toàn

**SR 6.4.1 – Quy trình quản lý chất lượng sản phẩm**

Tổ chức thành viên phải xây dựng, triển khai và giám sát các quy trình quản lý chất lượng sản phẩm. Sản phẩm phải đáp ứng các tiêu chí về an toàn và chất lượng theo quy định tại các tiêu chuẩn tương ứng.

[Tham chiếu: Phụ lục của Bộ tiêu chuẩn này và các quy định phù hợp của GMP, HACCP]

**SR 6.4.2 – Kiểm soát chất lượng nội bộ và lưu giữ hồ sơ trên cơ sở số**

Tổ chức thành viên thiết lập và duy trì quy trình kiểm soát chất lượng bằng văn bản, bao gồm tự đánh giá định kỳ, kiểm tra nội bộ và lưu giữ hồ sơ sản xuất, hồ sơ chất lượng tối thiểu 12 tháng, nhằm đảm bảo sản phẩm đáp ứng yêu cầu và hỗ trợ cải tiến liên tục. Khuyến khích sử dụng hệ thống lưu trữ hồ sơ và số liệu trên cơ sở số.

**SR 6.4.3 – Kiểm tra chất lượng sản phẩm cuối và xác nhận độc lập bên ngoài**

Tổ chức thành viên được khuyến khích thực hiện kiểm tra chất lượng sản phẩm cuối cùng để đảm bảo sản phẩm an toàn và đáp ứng yêu cầu thị trường. Tổ chức thành viên được khuyến khích có đánh giá hoặc xác nhận từ đơn vị độc lập bên ngoài về thực hành an toàn thực phẩm, và tuân thủ yêu cầu của một chương trình chứng nhận quốc tế được công nhận.

**SR 6.4.4 – Phân tích mẫu sản phẩm theo mỗi nguy được nhận diện**

Tổ chức thành viên phải phân tích mẫu sản phẩm theo các mối nguy đã được nhận diện để đảm bảo giới hạn an toàn của sản phẩm. Mẫu sản phẩm phải được phân tích tại phòng thử nghiệm được công nhận theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025. Kết quả phân tích phải được lưu giữ tối thiểu 24 tháng kể từ khi sản phẩm đó được thu hoạch và đưa ra thị trường.

**PS 6.5 – Quy trình thu hồi sản phẩm không đạt yêu cầu chất lượng hoặc an toàn****SR 6.5.1 – Xây dựng và duy trì quy trình thu hồi sản phẩm**

Tổ chức thành viên phải xây dựng, lập thành văn bản và duy trì quy trình thu hồi sản phẩm không đạt yêu cầu về chất lượng hoặc an toàn thực phẩm. Quy trình phải xác định rõ các bước hành động, phân công trách nhiệm cụ thể, kênh thông báo nội bộ và bên ngoài (người mua, cơ quan quản lý), và thời hạn thực hiện.

**SR 6.5.2 – Truy xuất nguồn gốc sản phẩm bị thu hồi**

Tổ chức thành viên phải duy trì hệ thống ghi chép và truy xuất nguồn gốc đủ chi tiết để có thể xác định nhanh lô sản phẩm cần thu hồi, phạm vi ảnh hưởng và người mua/đơn vị nhận hàng. Hồ sơ truy xuất phải được lưu giữ tối thiểu 24 tháng.

**SR 6.5.3 – Xử lý sản phẩm bị thu hồi**

Sản phẩm bị thu hồi phải được cách ly, ghi nhãn rõ ràng và xử lý theo đúng quy định pháp luật — không được tái đưa ra thị trường dưới bất kỳ hình thức nào nếu chưa được đánh giá lại và xác nhận đạt yêu cầu. Toàn bộ quá trình xử lý phải được lập hồ sơ.

**SR 6.5.4 – Đánh giá sau thu hồi và khắc phục nguyên nhân gốc rễ**

Sau mỗi sự kiện thu hồi, tổ chức thành viên phải tiến hành đánh giá nguyên nhân gốc rễ, xây dựng và thực hiện biện pháp khắc phục nhằm ngăn ngừa tái diễn. Kết quả đánh giá và biện pháp khắc phục phải được lập thành văn bản và lưu giữ cùng hồ sơ sự kiện.

## CV 7 – Truy xuất nguồn gốc trong sản xuất và kinh doanh

Tổ chức thành viên VietFarm cam kết xây dựng và duy trì hệ thống truy xuất nguồn gốc toàn diện thông qua hai cam kết cốt lõi: (1) Thiết lập hệ thống quản lý truy xuất nguồn gốc xuyên suốt toàn bộ chuỗi sản xuất — từ canh tác, chăn nuôi, sơ chế, chế biến, đóng gói đến phân phối — đảm bảo mọi lô sản phẩm đều có thể được nhận diện, phân biệt và truy tìm nguồn gốc khi cần thiết, đồng thời được gắn nhãn theo hệ thống nhận diện VietFarm trong chuỗi cung ứng và thương mại; (2) Ưu tiên tối đa sử dụng nguyên liệu từ các nguồn bền vững và nguyên liệu địa phương, đảm bảo tính hợp pháp và minh bạch của toàn bộ đầu vào sản xuất, không sử dụng vật tư không rõ nguồn gốc hoặc trái phép.

### PS 7.1 – Hệ thống quản lý truy xuất nguồn gốc từ sản xuất đến thành phẩm

#### SR 7.1.1 – Mã hóa và nhận diện khu vực sản xuất

Tổ chức thành viên có nhiều thành viên hoặc nhiều khu vực sản xuất phải phân định rõ từng đơn vị sản xuất (vùng trồng trọt, khu chăn nuôi, cơ sở chế biến) bằng tên gọi hoặc mã số định danh riêng. Hệ thống phân định này phải được ghi chép, lưu giữ trong hồ sơ của tổ chức và là cơ sở để liên kết thông tin truy xuất nguồn gốc theo từng lô sản phẩm.

#### SR 7.1.2 – Ghi chép và lưu hồ sơ vật tư đầu vào và giống

Tổ chức thành viên phải thiết lập và duy trì hệ thống ghi chép đầy đủ đối với toàn bộ vật tư đầu vào (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y...) và giống sử dụng trong sản xuất, bao gồm thông tin về nguồn gốc, nhà cung cấp, ngày nhập, số lượng và cách thức sử dụng. Hồ sơ phải đảm bảo khả năng truy tìm lại nguồn gốc và lịch sử sử dụng khi cần thiết.

#### SR 7.1.3 – Ghi chép vận chuyển và lưu chuyển sản phẩm qua các công đoạn

Việc vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm qua các công đoạn — từ sản xuất (trồng trọt, chăn nuôi) sang sơ chế, chế biến, đóng gói, vận chuyển và phân phối ra thị trường — phải được ghi chép đầy đủ bằng sổ sách, hóa đơn hoặc chứng từ phù hợp, đảm bảo tính liên tục của chuỗi truy xuất nguồn gốc.

#### SR 7.1.4 – Phân biệt và nhận diện sản phẩm VietFarm trong kho bãi và chuỗi cung ứng

Sản phẩm theo tiêu chuẩn VietFarm phải được phân biệt rõ ràng với các sản phẩm cùng loại không có chứng nhận VietFarm tại tất cả các vị trí kho, bãi và trong toàn bộ chuỗi cung ứng. Mỗi lô hàng phải có dấu hiệu nhận diện rõ ràng (mã lô, nhãn, thẻ hoặc ký hiệu phân biệt) để tránh nhầm lẫn và đảm bảo tính toàn vẹn của chứng nhận.

#### SR 7.1.5 – Ghi nhãn đảm bảo truy xuất nguồn gốc

Thông tin ghi nhãn sản phẩm phải đáp ứng các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc theo quy định pháp luật hiện hành và hệ thống nhận diện VietFarm, bao gồm tối thiểu: tên và mã số tổ chức sản xuất, mã lô sản phẩm, ngày sản xuất/thu hoạch, và các thông tin liên quan khác cho phép xác định nguồn gốc sản phẩm tại bất kỳ điểm nào trong chuỗi cung ứng.

### PS 7.2 – Sử dụng nguyên liệu bền vững và nguyên liệu địa phương; đảm bảo tính hợp pháp của đầu vào

#### SR 7.2.1 – Cam kết sử dụng nguyên liệu địa phương và hợp pháp khi có thể

Tổ chức thành viên phải cam kết và thực hiện các nguyên tắc sau trong mua sắm và sử dụng nguyên liệu đầu vào:

- a) Ưu tiên nguồn bền vững: Nguyên liệu thô sử dụng trong sản xuất phải ưu tiên đến từ các nguồn có chứng nhận hoặc có minh chứng về tính bền vững — về môi trường, xã hội và kinh tế.

- b)** Ưu tiên nguyên liệu địa phương: Tối đa hóa việc mua nguyên liệu từ nhà cung cấp địa phương nhằm hỗ trợ sinh kế cộng đồng, tăng cường liên kết chuỗi giá trị và giảm phát thải khí nhà kính từ vận chuyển.
- c)** Loại trừ đầu vào không hợp pháp: Nghiêm cấm mua hoặc sử dụng vật tư đầu vào không rõ nguồn gốc, không có chứng từ hợp lệ, trái phép hoặc vi phạm quy định pháp luật.
- d)** Lưu giữ hồ sơ minh chứng: Tổ chức thành viên phải lưu giữ đầy đủ hồ sơ mua hàng, chứng nhận nguồn gốc và các tài liệu liên quan để chứng minh việc tuân thủ các cam kết trên khi được yêu cầu kiểm tra, đánh giá.

## CV 8 – Kinh doanh có trách nhiệm

Tổ chức thành viên VietFarm cam kết thực hành kinh doanh có trách nhiệm thông qua năm cam kết cốt lõi: (1) Kiên quyết không tham gia tham nhũng, hối lộ dưới bất kỳ hình thức nào, có chính sách phòng chống tham nhũng rõ ràng và cơ chế xử lý khiếu nại minh bạch; (2) Thực hiện đầu tư có đạo đức và công bằng, đảm bảo lợi ích được chia sẻ hợp lý giữa các thành viên và đóng góp thiết thực cho cộng đồng và môi trường; (3) Minh bạch và có trách nhiệm giải trình trong toàn bộ các cam kết hợp đồng và thông tin sản phẩm; (4) Trung thực và tuân thủ pháp luật trong quảng cáo và tiếp thị, không phóng đại, gây hiểu nhầm hoặc sử dụng các hình thức gian lận; (5) Tích hợp các tiêu chí môi trường, xã hội và quản trị (ESG) vào chiến lược và hoạt động quản trị, hướng tới mục tiêu giảm phát thải có cơ sở khoa học và công bố kết quả thực hiện một cách minh bạch.

### PS 8.1 – Phòng chống tham nhũng và hối lộ trong sản xuất kinh doanh

#### SR 8.1.1 – Chính sách phòng chống tham nhũng và hối lộ

Tổ chức thành viên phải xây dựng chính sách phòng chống tham nhũng và hối lộ bằng văn bản, phổ biến đến toàn bộ thành viên, người lao động và các bên liên quan. Chính sách phải nêu rõ các hành vi bị nghiêm cấm, trách nhiệm của từng cá nhân và hậu quả khi vi phạm. Hồ sơ về việc phổ biến chính sách phải được lưu giữ để chứng minh tuân thủ.

#### SR 8.1.2 – Cơ chế khiếu nại và xử lý vi phạm

Tổ chức thành viên phải thiết lập và duy trì cơ chế tiếp nhận, xử lý và phản hồi khiếu nại liên quan đến hành vi tham nhũng, hối lộ hoặc gian lận trong nội bộ tổ chức và chuỗi cung ứng. Cơ chế phải đảm bảo tính bảo mật, an toàn cho người tố cáo và được xử lý công bằng, kịp thời, có văn bản ghi nhận kết quả.

### PS 8.2 – Đầu tư có đạo đức, công bằng và có trách nhiệm với cộng đồng

#### SR 8.2.1 – Phân chia lợi nhuận công bằng và quỹ phúc lợi

Tổ chức thành viên phải có chính sách phân chia lợi nhuận công bằng và minh bạch giữa các thành viên, đảm bảo đóng góp và hưởng lợi tương xứng. Tổ chức thành viên được khuyến khích thiết lập các quỹ phúc lợi hoặc cơ chế tái đầu tư nhằm nâng cao năng lực sản xuất, cải thiện đời sống thành viên và đóng góp cho cộng đồng địa phương.

#### SR 8.2.2 – Đầu tư có trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

Tổ chức thành viên phải ưu tiên các quyết định đầu tư có trách nhiệm với môi trường và xã hội, tránh các hoạt động đầu tư gây tác động tiêu cực đến cộng đồng địa phương, hệ sinh thái hoặc các nhóm dễ bị tổn thương. Tổ chức thành viên được khuyến khích chủ động tham gia hoặc tài trợ cho các sáng kiến phát triển cộng đồng, bảo vệ môi trường và nâng cao sinh kế địa phương.

### PS 8.3 – Minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hợp đồng và thông tin sản phẩm

#### SR 8.3.1 – Điều khoản hợp đồng rõ ràng và minh bạch

Tổ chức thành viên phải đảm bảo mọi điều khoản trong hợp đồng được trình bày rõ ràng, đầy đủ và dễ hiểu đối với tất cả các bên liên quan, không sử dụng ngôn ngữ mơ hồ hoặc điều khoản ẩn có thể gây bất lợi cho một bên. Hợp đồng phải được lưu giữ đầy đủ và có thể cung cấp khi được yêu cầu.

#### SR 8.3.2 – Thông tin sản phẩm chính xác và đầy đủ

Tổ chức thành viên phải cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ và minh bạch về sản phẩm đến tất cả các bên liên quan trong chuỗi cung ứng, bao gồm đặc tính, chất lượng, nguồn gốc, phương thức sản xuất và giá cả. Nghiêm cấm cung cấp thông tin sai lệch hoặc có tính chất gây hiểu nhầm về sản phẩm.

**SR 8.3.3 – Khả năng chứng minh việc thực hiện cam kết và lưu hồ sơ**

Tổ chức thành viên phải có khả năng chứng minh việc thực hiện đúng và đầy đủ các cam kết trong hợp đồng và về sản phẩm khi được yêu cầu bởi khách hàng, đối tác hoặc cơ quan quản lý. Hồ sơ hợp đồng, thông tin sản phẩm và các bằng chứng liên quan phải được lưu giữ tối thiểu theo thời hạn quy định của pháp luật.

**SR 8.3.4 – Tuân thủ pháp luật và chuẩn mực quốc tế về hợp đồng và sản phẩm**

Tổ chức thành viên phải tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành và các chuẩn mực quốc tế có liên quan đến giao kết hợp đồng, tiêu chuẩn sản phẩm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Khi pháp luật được sửa đổi, tổ chức thành viên có trách nhiệm cập nhật và điều chỉnh hoạt động của mình cho phù hợp.

**PS 8.4 – Trung thực và tuân thủ pháp luật trong quảng cáo và tiếp thị****SR 8.4.1 – Nội dung quảng cáo trung thực, không gây hiểu nhầm**

Tổ chức thành viên phải đảm bảo mọi nội dung quảng cáo phản ánh đúng đặc tính, chất lượng và giá trị thực của sản phẩm hoặc dịch vụ. Nghiêm cấm phóng đại, bỏ sót thông tin quan trọng hoặc sử dụng bất kỳ hình thức nào có thể gây hiểu nhầm cho người tiêu dùng hoặc đối tác thương mại.

**SR 8.4.2 – Thông tin tiếp thị minh bạch và đầy đủ**

Tổ chức thành viên phải cung cấp thông tin tiếp thị chính xác, minh bạch và đầy đủ, bao gồm giá cả, điều kiện khuyến mãi, hạn chế áp dụng và các cam kết liên quan. Mọi thông tin tiếp thị phải nhất quán với thông tin thực tế của sản phẩm và các điều khoản hợp đồng.

**SR 8.4.3 – Tuân thủ pháp luật về quảng cáo và lưu giữ hồ sơ**

Tổ chức thành viên phải tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành về quảng cáo và tiếp thị, nghiêm cấm mọi hình thức gian lận, sai lệch hoặc cạnh tranh không lành mạnh trong truyền thông thương mại. Hồ sơ về các hoạt động quảng cáo và tiếp thị phải được lưu giữ đầy đủ để có thể chứng minh tính trung thực và tuân thủ khi được cơ quan quản lý hoặc khách hàng yêu cầu.

**PS 8.5 – Tích hợp ESG trong quản trị và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững****\* SR 8.5.1 – Rà soát rủi ro ESG trong chuỗi cung ứng (khuyến khích)**

Tổ chức thành viên phải thiết lập và thực hiện quy trình rà soát, đánh giá định kỳ các rủi ro về môi trường, xã hội và quản trị trong toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh và chuỗi cung ứng. Kết quả đánh giá phải được sử dụng để xác định các biện pháp phòng ngừa và cải tiến phù hợp.

**\*SR 8.5.2 – Cơ cấu quản trị với trách nhiệm rõ ràng về mục tiêu giảm phát thải**

Tổ chức thành viên phải thiết lập cơ cấu quản trị với sự phân công trách nhiệm rõ ràng — bằng văn bản — đối với việc lập kế hoạch, triển khai và giám sát các mục tiêu giảm phát thải carbon và thực hiện các cam kết ESG của tổ chức.

**\*SR 8.5.3 – Mục tiêu giảm phát thải có cơ sở khoa học**

Tổ chức thành viên được khuyến khích xây dựng các mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính có cơ sở khoa học (science-based targets), phù hợp với cam kết khí hậu quốc gia (NDC của Việt Nam) và các thỏa thuận khí hậu quốc tế mà Việt Nam tham gia. Các mục tiêu phải cụ thể, có thể đo lường được và được rà soát định kỳ. Khuyến khích thực hiện đánh giá phát thải hoặc kiểm kê khí nhà kính định kỳ.

**\*SR 8.5.4 – Báo cáo bền vững hàng năm**

Tổ chức thành viên được khuyến khích công bố báo cáo bền vững hàng năm ghi lại tiến độ thực hiện các mục tiêu giảm phát thải carbon và kết quả ESG tổng thể. Báo cáo phải trình bày trung thực, bao gồm cả những hạn chế và thách thức còn tồn tại, và được chia sẻ với các bên liên quan chính.

## CV 9 – Thực hành thương mại công bằng và mua sắm có trách nhiệm

Tổ chức thành viên VietFarm cam kết thực hành thương mại công bằng thông qua hai cam kết cốt lõi: (1) Áp dụng cơ chế giá công bằng, minh bạch và có thể thương thuyết — không chỉ phản ánh chi phí sản xuất mà còn tính đến chi phí bảo vệ môi trường, phát triển xã hội, tái đầu tư và nâng cao năng lực cho các hộ sản xuất nhỏ — đảm bảo mọi thành viên đều được hưởng lợi công bằng và bình đẳng; (2) Kiên quyết không thực hành độc quyền, không cạnh tranh không lành mạnh trong thu mua nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm, tuân thủ đầy đủ pháp luật về cạnh tranh và thực hiện định kỳ rà soát để phát hiện và loại trừ các rủi ro độc quyền trong hoạt động kinh doanh.

### PS 9.1 – Áp dụng giá công bằng và đảm bảo quyền lợi bình đẳng cho người sản xuất

#### SR 9.1.1 – Cơ chế giá công bằng phản ánh đầy đủ chi phí sản xuất và chi phí xã hội, môi trường

Tổ chức thành viên phải áp dụng cơ chế giá công bằng được xây dựng trên cơ sở chi phí thực tế của quá trình sản xuất, đồng thời tính đến các chi phí cho bảo vệ môi trường, phát triển xã hội, tái đầu tư và nâng cao năng lực cho người sản xuất và cộng đồng. Mức giá tối thiểu cho từng loại hàng hóa phải được VietFarm quy định và cập nhật theo từng thời điểm, làm cơ sở đảm bảo thu nhập ổn định cho người sản xuất.

#### SR 9.1.2 – Đảm bảo giá công bằng và bình đẳng giữa các thành viên

Tổ chức thành viên phải đảm bảo áp dụng mức giá công bằng, nhất quán và không phân biệt đối xử giữa các thành viên trong cùng hệ thống. Cơ chế xác định và điều chỉnh giá phải minh bạch, có sự tham gia bình đẳng của các thành viên trong quá trình thương thuyết và phải được công khai để tất cả các bên liên quan có thể tiếp cận và giám sát.

#### \*SR 9.1.3 – Quỹ phúc lợi và cơ chế tái đầu tư

Tổ chức thành viên được khuyến khích thiết lập quỹ phúc lợi hoặc cơ chế tái đầu tư từ một phần lợi nhuận thương mại, nhằm hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất cho các hộ thành viên nhỏ, cải thiện điều kiện sống và đóng góp cho sự phát triển cộng đồng địa phương. Quy chế quản lý và sử dụng quỹ phải được xây dựng dân chủ, minh bạch và có cơ chế giám sát của các thành viên.

### PS 9.2 – Không độc quyền và đảm bảo cạnh tranh lành mạnh trong thu mua và kinh doanh

#### SR 9.2.1 – Thu mua nguyên liệu theo nguyên tắc công bằng và minh bạch

Tổ chức thành viên phải thực hiện thu mua nguyên liệu theo nguyên tắc công bằng, minh bạch và có tính cạnh tranh, không áp dụng các biện pháp độc quyền, ép buộc hoặc hạn chế bất hợp lý đối với nhà cung cấp. Tiêu chí lựa chọn nhà cung cấp phải được xây dựng rõ ràng, khách quan và áp dụng nhất quán.

#### SR 9.2.2 – Tiêu thụ sản phẩm không tạo sự chi phối hoặc loại trừ cạnh tranh

Tổ chức thành viên phải đảm bảo hoạt động tiêu thụ sản phẩm không tạo ra sự chi phối thị trường, không sử dụng vị thế để loại trừ đối thủ cạnh tranh hoặc áp đặt điều kiện bất lợi cho các bên trong chuỗi cung ứng. Mọi thỏa thuận phân phối và tiêu thụ phải dựa trên nguyên tắc tự nguyện và công bằng.

#### SR 9.2.3 – Kinh doanh theo nguyên tắc cạnh tranh lành mạnh

Tổ chức thành viên phải thực hiện toàn bộ hoạt động kinh doanh theo nguyên tắc cạnh tranh lành mạnh, nghiêm cấm các hành vi gian lận thương mại, ép buộc, thao túng giá hoặc bất kỳ

hành vi nào vi phạm nguyên tắc cạnh tranh công bằng. Trong trường hợp phát hiện hành vi cạnh tranh không lành mạnh từ bất kỳ bên nào trong chuỗi cung ứng, tổ chức thành viên có trách nhiệm báo cáo và yêu cầu xử lý phù hợp.

#### **SR 9.2.4 – Tuân thủ pháp luật về chống độc quyền và cạnh tranh công bằng**

Tổ chức thành viên phải tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành về chống độc quyền, cạnh tranh lành mạnh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Khi pháp luật được sửa đổi, bổ sung, tổ chức thành viên có trách nhiệm cập nhật và điều chỉnh hoạt động của mình cho phù hợp.

*[Tham chiếu: Luật Cạnh tranh số 23/2018/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành]*

#### **SR 9.2.5 – Lưu giữ hồ sơ và rà soát định kỳ**

Tổ chức thành viên phải lưu giữ đầy đủ hồ sơ, dữ liệu và quy trình liên quan đến hoạt động thu mua, tiêu thụ và kinh doanh để có thể chứng minh việc tuân thủ các nguyên tắc cạnh tranh lành mạnh khi được yêu cầu. Tổ chức thành viên phải định kỳ rà soát các hoạt động này để chủ động phát hiện và loại bỏ các rủi ro liên quan đến hành vi độc quyền hoặc cạnh tranh không lành mạnh, đồng thời ghi nhận kết quả rà soát bằng văn bản.

## CV 10 – Minh bạch trong chuỗi cung ứng

Tổ chức thành viên VietFarm cam kết thực hành minh bạch toàn diện trong chuỗi cung ứng thông qua bảy cam kết cốt lõi: (1) Minh bạch trong ký kết, thực hiện và quản lý hợp đồng, đảm bảo mọi thành viên được tiếp cận đầy đủ thông tin về giá cả, bạn hàng và kênh phân phối; (2) Sử dụng nhãn mác VietFarm đúng quy định, chỉ khi được phê duyệt và theo đúng quy chuẩn của tổ chức cấp chứng nhận; (3) Bán và lưu thông sản phẩm thông qua hệ thống đăng ký nhãn hiệu VietFarm hợp lệ, đảm bảo tính hợp pháp và truy xuất nguồn gốc; (4) Các đơn vị phân phối và thương mại cam kết minh bạch thông tin sản phẩm, giá cả và đăng ký số lượng tiêu thụ định kỳ; (5) Có cơ chế tiếp nhận và giải quyết khiếu nại của khách hàng chính thức, minh bạch và hiệu quả; (6) Đảm bảo quyền tiếp cận kiểm tra và xác minh độc lập của cơ quan chứng nhận và các bên có thẩm quyền; (7) Thiết lập và duy trì hệ thống quản lý chất lượng nội bộ, thực hiện đánh giá định kỳ và cải tiến liên tục mức độ tuân thủ tiêu chuẩn VietFarm.

### PS 10.1 – Minh bạch trong hợp đồng và thông tin sản xuất

#### SR 10.1.1 – Cơ chế minh bạch trong ký kết và quản lý hợp đồng

Tổ chức thành viên phải thiết lập, thực hiện và duy trì cơ chế minh bạch trong toàn bộ quá trình ký kết, thực hiện và quản lý hợp đồng với khách hàng và đối tác. Mọi thành viên phải được thông báo đầy đủ về các hợp đồng mua bán sản phẩm liên quan, bao gồm thông tin về giá cả, bạn hàng và các kênh phân phối hiện có.

[Áp dụng cho cả tổ chức sản xuất và tổ chức kinh doanh — thương mại]

#### SR 10.1.2 – Cung cấp thông tin sản xuất đầy đủ và sẵn có

Tổ chức thành viên phải đảm bảo tất cả thông tin liên quan đến quá trình sản xuất luôn sẵn có và có thể cung cấp cho các bên liên quan khi được yêu cầu, bao gồm tối thiểu: vật tư đầu vào đã sử dụng; quy trình sản xuất áp dụng; kết quả kiểm soát nội bộ; danh sách người lao động; và thông tin về cung cấp, phân phối sản phẩm.

#### SR 10.1.3 – Lưu giữ hồ sơ chứng minh tuân thủ

Tổ chức thành viên phải lưu giữ đầy đủ hồ sơ hợp đồng, thông tin sản xuất, giá cả và phân phối tối thiểu theo thời hạn quy định của pháp luật, nhằm chứng minh việc tuân thủ các yêu cầu về minh bạch khi được yêu cầu kiểm tra hoặc đánh giá.

### PS 10.2 – Sử dụng nhãn mác VietFarm đúng quy định

#### SR 10.2.1 – Tuân thủ quy chuẩn sử dụng nhãn mác

Việc sử dụng nhãn mác VietFarm phải tuân thủ đúng các quy định của tổ chức cấp chứng nhận và quản lý nhãn hiệu, bao gồm: nội dung thông tin bắt buộc, quy chuẩn về kích thước, màu sắc và vị trí trình bày trên sản phẩm và tài liệu liên quan.

#### SR 10.2.2 – Thông báo và phê duyệt trước khi sử dụng nhãn hiệu trong quảng bá

Tổ chức thành viên phải thông báo với tổ chức cấp chứng nhận và quản lý nhãn hiệu VietFarm trước khi sử dụng nhãn hiệu trên bất kỳ tài liệu quảng bá, truyền thông hoặc ấn phẩm nào. Ma-két nhãn sản phẩm VietFarm phải được phê duyệt chính thức trước khi đưa vào sử dụng. Nghiêm cấm sử dụng nhãn hiệu VietFarm khi chưa được phép hoặc sau khi chứng nhận hết hiệu lực.

### PS 10.3 – Bán và lưu thông sản phẩm thông qua hệ thống đăng ký nhãn hiệu VietFarm

#### SR 10.3.1 – Chỉ lưu thông sản phẩm có chứng nhận hợp lệ

Tổ chức thành viên chỉ được bán và lưu thông các sản phẩm mang nhãn VietFarm khi có chứng nhận tiêu chuẩn VietFarm còn hiệu lực. Nghiêm cấm gắn nhãn VietFarm cho các sản phẩm chưa được chứng nhận, không đạt yêu cầu hoặc trong giai đoạn chứng nhận đã hết hạn.

### **SR 10.3.2 – Đăng ký và quản lý nhãn hiệu theo hệ thống VietFarm**

Tổ chức thành viên phải thực hiện việc bán và lưu thông sản phẩm thông qua hệ thống đăng ký nhãn hiệu VietFarm, tuân thủ đầy đủ các quy định trong hệ thống quản lý nhãn hiệu nhằm đảm bảo tính nhất quán, khả năng truy xuất nguồn gốc và bảo vệ uy tín thương hiệu. Hồ sơ chứng nhận, đăng ký và quản lý nhãn hiệu phải được lưu giữ đầy đủ để chứng minh tuân thủ khi được yêu cầu.

## **PS 10.4 – Minh bạch thông tin của đơn vị phân phối và thương mại sản phẩm VietFarm**

### **SR 10.4.1 – Minh bạch thông tin sản phẩm, giá cả và hợp đồng**

Các đơn vị phân phối hoặc thương mại sản phẩm mang nhãn mác VietFarm phải cung cấp thông tin sản phẩm và giá cả một cách minh bạch, chính xác và dễ tiếp cận đối với người mua và người tiêu dùng. Toàn bộ thông tin trong hợp đồng mua bán sản phẩm giữa các bên — bao gồm điều khoản, điều kiện và trách nhiệm của từng bên — phải được trình bày rõ ràng và minh bạch.

### **SR 10.4.2 – Đăng ký số lượng tiêu thụ định kỳ**

Các đơn vị phân phối hoặc thương mại sản phẩm mang nhãn mác VietFarm phải đăng ký số lượng sản phẩm tiêu thụ với tổ chức quản lý nhãn hiệu VietFarm định kỳ, ít nhất một lần mỗi năm, nhằm đảm bảo kiểm soát lượng sản phẩm lưu thông và tính toàn vẹn của hệ thống chứng nhận.

### **SR 10.4.3 – Lưu giữ hồ sơ phân phối và thương mại**

Các đơn vị phân phối hoặc thương mại phải lưu giữ đầy đủ hồ sơ về thông tin sản phẩm, giá cả, số lượng tiêu thụ và hợp đồng mua bán để có thể chứng minh việc tuân thủ các yêu cầu về minh bạch khi được cơ quan chứng nhận hoặc cơ quan quản lý yêu cầu.

## **PS 10.5 – Cơ chế tiếp nhận và giải quyết khiếu nại của khách hàng**

### **SR 10.5.1 – Thiết lập cơ chế khiếu nại chính thức và đa kênh**

Tổ chức thành viên phải thiết lập và duy trì cơ chế chính thức để tiếp nhận và giải quyết khiếu nại của khách hàng liên quan đến sản phẩm, bao gồm các kênh thông tin rõ ràng và dễ tiếp cận như đường dây điện thoại, email, biểu mẫu trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác. Thông tin về cơ chế khiếu nại phải được công khai để khách hàng và người tiêu dùng dễ dàng tiếp cận.

### **SR 10.5.2 – Quy trình xử lý khiếu nại và hành động khắc phục**

Tổ chức thành viên phải có quy trình được văn bản hóa để phân loại, đánh giá, phản hồi và giải quyết khiếu nại trong thời gian xác định. Sau khi giải quyết, tổ chức phải thực hiện các hành động khắc phục và phòng ngừa phù hợp, đồng thời thông báo kết quả cho khách hàng một cách minh bạch và kịp thời.

### **SR 10.5.3 – Lưu giữ hồ sơ và rà soát cải tiến**

Tổ chức thành viên phải lưu giữ đầy đủ hồ sơ về khiếu nại, quá trình xử lý và kết quả giải quyết. Dữ liệu khiếu nại phải được định kỳ rà soát để nhận diện xu hướng tái diễn, xác định cơ hội cải tiến sản phẩm, dịch vụ và quy trình, góp phần nâng cao chất lượng và sự hài lòng của khách hàng.

### **SR 10.5.4 – Truyền thông hiệu quả trong nội bộ và với đối tác chuỗi cung ứng**

Tổ chức thành viên phải thiết lập và duy trì cơ chế truyền thông hiệu quả trong nội bộ tổ chức và với các đối tác ở các khâu đầu vào và đầu ra của chuỗi cung ứng, nhằm đảm bảo thông

tin về chất lượng, sự không phù hợp và các thay đổi quan trọng được chia sẻ kịp thời và chính xác đến tất cả các bên liên quan.

## PS 10.6 – Đảm bảo quyền tiếp cận kiểm tra và xác minh độc lập

### SR 10.6.1 – Tạo điều kiện đầy đủ cho cơ quan chứng nhận và đoàn đánh giá

Tổ chức thành viên phải cho phép và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan chứng nhận và đoàn đánh giá tiếp cận đầy đủ và không bị hạn chế đến toàn bộ khu vực sản xuất, nhà xưởng, kho bãi, hồ sơ và dữ liệu phục vụ đánh giá — bao gồm cả các cuộc đánh giá định kỳ và đột xuất.

### SR 10.6.2 – Tạo điều kiện để kiểm toán viên tiếp cận người lao động và thành viên

Tổ chức thành viên phải tạo điều kiện để kiểm toán viên và đoàn đánh giá có thể trao đổi trực tiếp, riêng tư và không bị giám sát với người lao động, thành viên hợp tác xã và các đối tượng liên quan khác khi cần thiết trong quá trình đánh giá.

### SR 10.6.3 – Nghiêm cấm che giấu hoặc trì hoãn cung cấp thông tin

Tổ chức thành viên nghiêm cấm mọi hành vi che giấu, hạn chế, làm sai lệch hoặc trì hoãn việc cung cấp thông tin khi có yêu cầu phục vụ giám sát, đánh giá hoặc điều tra sự không phù hợp từ cơ quan chứng nhận hoặc cơ quan quản lý có thẩm quyền.

### SR 10.6.4 – Lưu giữ hồ sơ phục vụ truy xuất và xác minh

Tổ chức thành viên phải lưu giữ đầy đủ hồ sơ phục vụ truy xuất và xác minh, đảm bảo tính sẵn có và có thể truy cập ngay trong các cuộc đánh giá định kỳ và đột xuất. Hồ sơ phải được lưu giữ tối thiểu 24 tháng hoặc theo thời hạn dài hơn nếu pháp luật quy định.

## PS 10.7 – Hệ thống quản lý chất lượng nội bộ và cải tiến liên tục

### SR 10.7.1 – Thiết lập hệ thống tự đánh giá và đánh giá nội bộ

Tổ chức thành viên phải thiết lập và duy trì hệ thống tự đánh giá hoặc đánh giá nội bộ nhằm kiểm tra định kỳ mức độ tuân thủ tiêu chuẩn VietFarm. Hệ thống phải có hướng dẫn rõ ràng về nội dung, phạm vi, phương pháp đánh giá và trách nhiệm của người thực hiện.

### SR 10.7.2 – Tần suất đánh giá và phạm vi áp dụng

Tổ chức thành viên phải thực hiện ít nhất một cuộc đánh giá nội bộ mỗi năm, và phải hoàn thành trước kỳ đánh giá chứng nhận bên ngoài. Đánh giá nội bộ phải áp dụng cho hơn 70% thành viên và các điểm sản xuất trong trường hợp tổ chức có nhiều hộ thành viên hoặc nhiều cơ sở sản xuất.

### SR 10.7.3 – Xử lý điểm không phù hợp và hành động khắc phục

Khi phát hiện điểm không phù hợp trong quá trình đánh giá nội bộ, tổ chức thành viên phải: phân tích nguyên nhân gốc rễ; lập kế hoạch khắc phục với thời hạn cụ thể; thực hiện biện pháp chỉnh sửa trong thời gian không quá 03 tháng tùy theo mức độ nghiêm trọng; và xác minh hiệu quả của biện pháp khắc phục trước kỳ đánh giá tiếp theo.

### SR 10.7.4 – Sử dụng kết quả đánh giá để cải tiến liên tục

Kết quả đánh giá nội bộ phải được phân tích và sử dụng một cách chủ động để xác định cơ hội cải tiến, điều chỉnh quy trình và nâng cao hiệu quả của hệ thống quản lý chất lượng, không chỉ dừng lại ở việc ghi nhận và báo cáo.

### SR 10.7.5 – Lưu giữ hồ sơ đánh giá và biện pháp khắc phục

Toàn bộ hồ sơ đánh giá nội bộ, danh sách điểm không phù hợp, kế hoạch và biện pháp khắc phục, cùng bằng chứng hoàn thành phải được lưu giữ tối thiểu 24 tháng sau thu hoạch để đảm bảo minh bạch, truy xuất và phục vụ các cuộc đánh giá chứng nhận.

<b>Từ viết tắt</b>	<b>Giải nghĩa</b>
ATTP	An toàn thực phẩm
BVTV	Bảo vệ thực vật
CDI	Center for Development and Integration — Trung tâm Phát triển và Hội nhập
CV	Giá trị cốt lõi (Core Value)
ESG	Môi trường, Xã hội và Quản trị (Environmental, Social and Governance)
GAP	Thực hành nông nghiệp tốt (Good Agricultural Practice)
GMO	Sinh vật biến đổi gen (Genetically Modified Organism)
GMP	Thực hành sản xuất tốt (Good Manufacturing Practice)
GHG	Khí nhà kính (Greenhouse Gas)
HACCP	Phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn (Hazard Analysis and Critical Control Points)
HTX	Hợp tác xã
ILO	Tổ chức Lao động Quốc tế (International Labour Organization)
IPCC	Ủy ban Liên chính phủ về Biến đổi khí hậu (Intergovernmental Panel on Climate Change)
IPM	Quản lý dịch hại tổng hợp (Integrated Pest Management)
KNK	Khí nhà kính
KSH	Khí sinh học
MRL	Mức dư lượng tối đa (Maximum Residue Limit)
NN&MT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
NN&PTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ( <i>tên cũ, còn dùng trong tham chiếu pháp lý trước 2025</i> )
PPE	Trang thiết bị bảo hộ cá nhân (Personal Protective Equipment)
PS	Nguyên tắc tiêu chuẩn (Principle Standard)
PTT	Phát thải thấp
SR	Yêu cầu cụ thể (Specific Requirement)
VFS	Tiêu chuẩn VietFarm (VietFarm Standard)
VND	Việt Nam Đồng

# TÀI LIỆU VIỆN DẪN | REFERENCES

## TÀI LIỆU VIỆN DẪN | REFERENCES

Bộ tiêu chuẩn VietFarm được xây dựng trên cơ sở tham chiếu có chọn lọc các tài liệu quốc tế và quốc gia dưới đây. Khi các văn bản pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, phiên bản mới nhất có hiệu lực sẽ được áp dụng.

### I. TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ VỀ NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG

**IFOAM** — IFOAM Organics International, *The IFOAM Norms for Organic Production and Processing* (phiên bản hiện hành). Liên đoàn Quốc tế các phong trào Nông nghiệp Hữu cơ.

**Fairtrade International** — *Fairtrade Standards for Small Producer Organizations* (phiên bản hiện hành). Tổ chức Thương mại Công bằng Quốc tế.

**GLOBALG.A.P** — *Integrated Farm Assurance (IFA) Standard*, phiên bản 6 và các phiên bản tiếp theo; bao gồm All Farm Base, Crops Base, Fruit and Vegetables, Livestock modules. GLOBALG.A.P c/o FoodPLUS GmbH.

**ASEANGAP** — *ASEAN Good Agricultural Practice for Production of Fresh Fruit and Vegetables* (phiên bản hiện hành). Ban Thư ký ASEAN.

**JGAP (2010)** — *Control Point and Compliance Criteria: Fruits and Vegetables*. Japan Good Agricultural Practice. (Tài liệu tham khảo)

**VietGAP** — Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho rau, quả, chè (TCVN 11892:2017 và các TCVN liên quan). Bộ Nông nghiệp và Môi trường Việt Nam.

**TCVN 11041-1:2017** — Nông nghiệp hữu cơ — Phần 1: Yêu cầu chung đối với sản xuất, chế biến, ghi nhãn sản phẩm nông nghiệp hữu cơ. Bộ Khoa học và Công nghệ.

**TCVN 11041-2:2017** — Nông nghiệp hữu cơ — Phần 2: Trồng trọt hữu cơ.

**TCVN 11041-3:2017** — Nông nghiệp hữu cơ — Phần 3: Chăn nuôi hữu cơ.

### II. TIÊU CHUẨN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ MÔI TRƯỜNG

**ISO 9001:2015** — *Quality Management Systems — Requirements*. Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế. (Thay thế ISO 9001:2008 đã hết hiệu lực)

**ISO 14001:2015** — *Environmental Management Systems — Requirements with guidance for use*. (Thay thế ISO 14001:2004 đã hết hiệu lực)

**ISO 22000:2018** — *Food Safety Management Systems — Requirements for any organization in the food chain*.

**ISO/IEC 17025:2017** — *General Requirements for the Competence of Testing and Calibration Laboratories*. (Áp dụng cho phòng thử nghiệm thực hiện phân tích mẫu đất, nước và sản phẩm)

**GMP** — *Good Manufacturing Practice* (Thực hành sản xuất tốt) — Codex Alimentarius và quy định tương ứng của Bộ Y tế Việt Nam.

**HACCP** — *Hazard Analysis and Critical Control Points* (Phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn) — Codex Alimentarius CAC/RCP 1-1969, Rev. 2003 và các phiên bản cập nhật.

### III. CÔNG ƯỚC VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

#### 3.1 Lao động — Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO)

Công ước	Nội dung
ILO C29 (1930)	Lao động cưỡng bức
ILO C87 (1948)	Quyền tự do hiệp hội và bảo vệ quyền tổ chức
ILO C98 (1949)	Quyền tổ chức và thương lượng tập thể
ILO C100 (1951)	Trả công bình đẳng
ILO C105 (1957)	Xóa bỏ lao động cưỡng bức
ILO C111 (1958)	Phân biệt đối xử trong việc làm và nghề nghiệp
ILO C138 (1973)	Tuổi lao động tối thiểu
ILO C182 (1999)	Các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất
ILO C183 (2000)	Bảo vệ thai sản

#### 3.2 Môi trường và Khí hậu

**CBD** — *Convention on Biological Diversity* (Công ước về Đa dạng sinh học), 1992. Việt Nam phê chuẩn 1994.

**UNFCCC** — *United Nations Framework Convention on Climate Change* và *Paris Agreement* (Thỏa thuận Paris về Biến đổi khí hậu, 2015). Việt Nam phê chuẩn 2016.

**NDC Việt Nam** — *Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam* — Cập nhật 2022. Cam kết giảm phát thải 43,5% vào năm 2030 và đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

#### 3.3 Quyền con người

**UDHR (1948)** — *Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền* (Universal Declaration of Human Rights).

**UNCRC (1989)** — *Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em* (Convention on the Rights of the Child). Việt Nam phê chuẩn 1990.

### IV. PHÁP LUẬT VIỆT NAM — LAO ĐỘNG VÀ XÃ HỘI

**Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14** ngày 20/11/2019 (hiệu lực từ 01/01/2021).

**Luật Bình đẳng giới số 73/2006/QH11** ngày 29/11/2006 và văn bản sửa đổi, bổ sung.

**Luật An toàn, Vệ sinh Lao động số 84/2015/QH13** ngày 25/6/2015 (hiệu lực từ 01/7/2016).

**Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15** ngày 01/7/2023 (hiệu lực từ 01/7/2024). (Thay thế Luật HTX 2012)

**Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 19/2023/QH15** ngày 20/6/2023.

## V. PHÁP LUẬT VIỆT NAM — MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN

**Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14** ngày 17/11/2020 (hiệu lực từ 01/01/2022) và Nghị định 08/2022/NĐ-CP hướng dẫn thi hành.

**Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12** ngày 13/11/2008 và văn bản sửa đổi, bổ sung.

**Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14** ngày 15/11/2017 (hiệu lực từ 01/01/2019).

**Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15** ngày 27/11/2023 (hiệu lực từ 01/7/2024). (Thay thế Luật TNN 2012)

## VI. PHÁP LUẬT VIỆT NAM — AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ NÔNG NGHIỆP

**Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12** ngày 17/6/2010.

**Luật số 28/2018/QH14** ngày 15/6/2018 — Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

**Văn bản hợp nhất số 61/VBHN-VPQH** ngày 15/8/2025 (hợp nhất Luật ATTP 55/2010 và Luật 28/2018, hiệu lực từ 01/01/2026).

**Luật Chăn nuôi số 38/2018/QH14** ngày 19/11/2018 (hiệu lực từ 01/01/2020).

**Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14** ngày 19/11/2018 (hiệu lực từ 01/01/2020).

**Luật Thú y số 79/2015/QH13** ngày 19/6/2015 và văn bản sửa đổi.

**Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13** ngày 25/11/2013 và văn bản sửa đổi.

**Luật Cạnh tranh số 23/2018/QH14** ngày 12/6/2018 (hiệu lực từ 01/7/2019).

**Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13** ngày 21/6/2012 và Luật sửa đổi số 38/2024/QH15.

## VII. NGHỊ ĐỊNH VÀ THÔNG TƯ

### 7.1 An toàn thực phẩm và Nông sản

**Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT** ngày 25/12/2018 — Quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện ATTP.

**Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT** — Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 38/2018 về điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất nông lâm thủy sản.

**Thông tư 09/2016/TT-BNNPTNT** ngày 01/6/2016 — Quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y và các văn bản sửa đổi.

### 7.2 Thuốc Thú y và Thức ăn Chăn nuôi

**Thông tư 09/2023/TT-BNNPTNT** ngày 14/8/2023 — Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam và các văn bản cập nhật kèm theo.

**Nghị định 13/2020/NĐ-CP** ngày 21/01/2020 — Hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Chăn nuôi về thức ăn chăn nuôi và văn bản sửa đổi, bổ sung.

### 7.3 Bảo vệ thực vật

**Thông tư 03/2018/TT-BNNPTNT** ngày 09/02/2018 — Ban hành danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, cấm sử dụng tại Việt Nam và các văn bản cập nhật kèm theo.

**Thông tư liên tịch 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT** ngày 16/5/2016 — Hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng. (*Lưu ý: cần kiểm tra văn bản cập nhật sau khi sáp nhập Bộ NN&MT năm 2025*)

### 7.4 Dư lượng và Ô nhiễm trong Thực phẩm

**Thông tư 50/2016/TT-BYT** ngày 30/12/2016 — Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm và các văn bản sửa đổi, bổ sung. (*Lưu ý: kiểm tra phiên bản cập nhật mới nhất*)

## VIII. QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA (QCVN)

### 8.1 Chất lượng đất và nước

Mã hiệu	Tên quy chuẩn
QCVN 03-MT:2015/BTNMT	Giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất
QCVN 08-MT:2015/BTNMT	Chất lượng nước mặt
QCVN 09-MT:2015/BTNMT	Chất lượng nước ngầm
QCVN 02:2009/BYT	Chất lượng nước sinh hoạt ( <i>đang được cập nhật</i> )

### 8.2 An toàn thực phẩm

Mã hiệu	Tên quy chuẩn
QCVN 8-1:2011/BYT	Giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm
QCVN 8-2:2011/BYT	Giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm
QCVN 8-3:2012/BYT	Ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm
QCVN 01-132:2013/BNNPTNT	Rau, quả, chè búp tươi đủ điều kiện ATTP trong sản xuất, sơ chế

### 8.3 Bao bì và dụng cụ tiếp xúc thực phẩm

Mã hiệu	Tên quy chuẩn
QCVN 12-1:2011/BYT	Bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng nhựa tổng hợp
QCVN 12-2:2011/BYT	Bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng cao su
QCVN 12-3:2011/BYT	Bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng kim loại

## PHỤ LỤC — THUẬT NGỮ VÀ ĐỊNH NGHĨA

Tiêu chuẩn này sử dụng các thuật ngữ và định nghĩa sau. Các thuật ngữ được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt. Thuật ngữ tiếng Anh tương đương được ghi trong dấu ngoặc đơn.

### A

**An toàn sinh học (Biosecurity)** Tập hợp các biện pháp nhằm ngăn ngừa sự xâm nhập và lây lan của mầm bệnh, dịch hại và các sinh vật ngoại lai vào khu vực sản xuất chăn nuôi hoặc trồng trọt, bao gồm kiểm soát người ra vào, vệ sinh, khử trùng và cách ly.

**An toàn thực phẩm (Food Safety)** Đảm bảo rằng thực phẩm không gây hại cho người tiêu dùng khi được chế biến và/hoặc ăn theo mục đích sử dụng dự kiến. An toàn thực phẩm liên quan đến sự hiện diện của các mối nguy trong thực phẩm ở thời điểm tiêu thụ (ngay lập tức hoặc sau khi xử lý thích hợp).

**An toàn, vệ sinh lao động (Occupational Health and Safety — OHS)** Các điều kiện và yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe và sự an toàn của người lao động, người thăm quan và bất kỳ người nào khác trong nơi làm việc. Bao gồm nhận diện, đánh giá và kiểm soát các rủi ro nghề nghiệp.

### B

**Bao bì (Packaging)** Vật chứa thực phẩm dùng để phân phối ở dạng đơn vị riêng lẻ, gồm cả bao phủ kín hoàn toàn hoặc một phần thực phẩm và vật liệu bọc bên ngoài.

**Bao gói sẵn (Pre-packaged)** Việc bao gói thực phẩm trong một bao bì nhằm sẵn sàng cung cấp cho người tiêu dùng hoặc cho mục đích sử dụng trực tiếp mà không cần xử lý thêm.

**Bền vững (Sustainable)** Sử dụng tài nguyên theo cách mà các thế hệ hiện tại đáp ứng nhu cầu của mình mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai. Không sử dụng tài nguyên nhanh hơn tốc độ tái tạo tự nhiên của chúng.

### C

**Cây lâu năm (Perennial crop)** Các cây trồng có chu kỳ sinh trưởng dài hơn một năm và được thu hoạch liên tục trong nhiều vụ canh tác.

**Cây một năm (Annual crop)** Các cây trồng có chu kỳ sinh trưởng ngắn và được thu hoạch trong vòng một vụ canh tác.

**Chăn nuôi (Livestock farming)** Ngành kinh tế-kỹ thuật bao gồm các hoạt động trong lĩnh vực giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, điều kiện chăn nuôi, chế biến và thị trường sản phẩm chăn nuôi. [Tham chiếu: Luật Chăn nuôi số 38/2018/QH14]

**Chăn nuôi phát thải thấp (Low-carbon livestock farming)** Phương thức chăn nuôi áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật tiên bộ nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế đồng thời giảm phát thải khí nhà kính, bao gồm: (i) kỹ thuật chăn nuôi (chuồng trại, giống, thức ăn, quản lý sức khỏe vật

nuôi); (ii) quản lý giết mổ và chế biến sản phẩm; (iii) sử dụng hợp lý và tiết kiệm năng lượng và nguồn lực; (iv) quản lý tốt chất thải và phụ phẩm chăn nuôi.

**Chất hỗ trợ chế biến** (*Processing aid*) Bất kỳ chất hoặc vật liệu nào, không bao gồm thiết bị hoặc đồ dùng, và không được tiêu thụ như một thành phần thực phẩm, được sử dụng có chủ ý trong quá trình chế biến nguyên liệu thô, thực phẩm hoặc các thành phần của nó để đáp ứng một mục đích kỹ thuật nhất định và có thể dẫn đến sự hiện diện không có ý của dư lượng trong sản phẩm cuối cùng.

**Chất tổng hợp** (*Synthetic*) Chất được tạo thành từ quá trình tổng hợp hóa học hoặc từ quá trình thay đổi về mặt hóa học đối với các chất có nguồn gốc từ cây trồng, vật nuôi hoặc nguồn khoáng chất tự nhiên. Chất được tạo ra bởi các quá trình sinh học tự nhiên không phải là chất tổng hợp.

**Chế biến** (*Processing*) Việc làm thay đổi sản phẩm đến thành phẩm hoặc bán thành phẩm, bao gồm thay đổi các sản phẩm thô/nguyên liệu tại cấp độ trang trại hoặc cơ sở sản xuất từ nông nghiệp.

**Chứng nhận** (*Certification*) Quá trình xác nhận bên thứ ba có thẩm quyền rằng một tổ chức, sản phẩm hoặc hệ thống quản lý đáp ứng các yêu cầu cụ thể của tiêu chuẩn VietFarm. Chứng nhận được thực hiện bởi tổ chức đánh giá và chứng nhận độc lập được công nhận bởi Hội đồng Tiêu chuẩn VietFarm.

**Chuỗi cung ứng** (*Supply chain*) Một hệ thống các tổ chức, con người, hoạt động, thông tin và tài nguyên liên quan đến việc chuyển sản phẩm hoặc dịch vụ từ nhà sản xuất/cung cấp đến người tiêu dùng cuối cùng. Trong hệ thống VietFarm, chuỗi cung ứng bao gồm tất cả các khâu từ sản xuất nguyên liệu, chế biến, đóng gói, vận chuyển đến phân phối và tiêu thụ.

## D

**Dán nhãn / Ghi nhãn** (*Labelling*) Bất kỳ nội dung nào được viết, in hoặc đồ họa trên nhãn, đi kèm với sản phẩm, hoặc được trưng bày gần sản phẩm, bao gồm cả mục đích quảng cáo và thương mại. Ghi nhãn là hành động thực hiện việc dán nhãn theo đúng quy định.

**Dấu chân carbon** (*Carbon Footprint — CFP*) Tổng lượng phát thải khí nhà kính liên quan đến vòng đời của một sản phẩm, được tính theo đơn vị tương đương CO<sub>2</sub> (kg CO<sub>2</sub>e hoặc tấn CO<sub>2</sub>e). Dấu chân carbon sản phẩm được xác định theo ISO 14067 hoặc tiêu chuẩn tương đương.

**Đa dạng sinh học** (*Biodiversity*) Sự đa dạng của các dạng sống và kiểu hệ sinh thái trên Trái đất, bao gồm: đa dạng di truyền (đa dạng trong loài), đa dạng loài (số lượng và sự phong phú của loài) và đa dạng hệ sinh thái (tổng số các kiểu hệ sinh thái).

**Đánh giá bên ngoài** (*External audit*) Đánh giá được thực hiện bởi tổ chức chứng nhận hoặc cá nhân có năng lực độc lập để xác định sự tuân thủ của tổ chức thành viên với các yêu cầu của Bộ tiêu chuẩn VietFarm. Đánh giá bên ngoài bao gồm đánh giá chứng nhận lần đầu, đánh giá giám sát định kỳ và đánh giá đột xuất.

**Đánh giá nội bộ** (*Internal audit*) Quá trình kiểm tra, đánh giá có hệ thống được thực hiện bởi tổ chức thành viên hoặc bởi đơn vị quản trị tiêu chuẩn VietFarm để xác định mức độ tuân thủ các yêu cầu của Bộ tiêu chuẩn, nhằm phát hiện điểm không phù hợp và thực hiện cải tiến liên tục. Xem thêm: *Thanh tra nội bộ*.

**Đánh giá rủi ro** (*Risk assessment*) Quá trình có hệ thống để nhận diện, phân tích và đánh giá các mối nguy và rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và chuỗi cung ứng. Kết quả đánh giá được sử dụng để xây dựng các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát phù hợp.

**Đầu vào** (*Input*) Tất cả các vật tư, nguyên liệu, năng lượng và dịch vụ được sử dụng trong quá trình sản xuất và chế biến, bao gồm: giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, nước, năng lượng và các chất bổ sung khác.

**Đồng ruộng / Thửa ruộng** (*Field / Plot*) Một mảnh đất canh tác có ranh giới xác định, được quản lý như một đơn vị sản xuất thống nhất. Còn được gọi là "lô thửa" hoặc "khu vực canh tác".

---

## E

**ESG** (*Environmental, Social and Governance — Môi trường, Xã hội và Quản trị*) Khung đánh giá tổng hợp ba khía cạnh hoạt động phi tài chính của tổ chức: (i) **Môi trường (E)** — tác động và quản lý của tổ chức đối với môi trường tự nhiên, bao gồm biến đổi khí hậu, tài nguyên và đa dạng sinh học; (ii) **Xã hội (S)** — quản lý quan hệ với người lao động, cộng đồng, nhà cung cấp và xã hội; (iii) **Quản trị (G)** — cơ cấu lãnh đạo, tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và đạo đức kinh doanh. ESG là công cụ đánh giá phổ biến trong chuỗi cung ứng quốc tế và gắn với cam kết phát triển bền vững của VietFarm.

---

## G

**Giá trị cốt lõi** (*Core Value — CV*) Mười nguyên tắc nền tảng của Bộ tiêu chuẩn VietFarm, phản ánh triết lý và định hướng của toàn bộ hệ thống VietFarm về sản xuất có trách nhiệm, công bằng và bền vững. Mỗi Giá trị cốt lõi được cụ thể hóa thành các Nguyên tắc tiêu chuẩn (PS) và Yêu cầu tiêu chuẩn (SR).

**Giống** (*Variety — for crops; Breed — for livestock*) Hạt giống, cây giống, vật liệu nhân giống và các vật liệu thực vật khác được sử dụng để thiết lập, thay thế hoặc khôi phục đồng ruộng, hoặc để sản xuất thêm cây giống. Xem thêm: *Giống vật nuôi*.

**Giống vật nuôi** (*Livestock breed*) Quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố và phát triển do tác động của con người; phải có số lượng đảm bảo để nhân giống và di truyền được những đặc điểm của giống cho thế hệ sau.

---

## H

**Hành lang sinh học** (*Biological corridor*) Khu vực địa lý được xác định rõ nhằm kết nối các cảnh quan, hệ sinh thái và môi trường sống, đảm bảo việc duy trì đa dạng sinh học và các quá trình sinh thái, tiến hóa giữa các khu vực bảo tồn hoặc sinh cảnh tự nhiên.

**Hệ thống quản lý nội bộ** (*Internal Management System — IMS*) Hệ thống quản lý chất lượng được lập thành văn bản với mục đích đảm bảo rằng tổ chức thành viên và các thành viên trong tổ chức tuân thủ các yêu cầu của Bộ tiêu chuẩn VietFarm. Hệ thống bao gồm chính sách, quy trình, phân công trách nhiệm, công cụ ghi chép và cơ chế cải tiến liên tục.

**Hoạt chất** (*Active substance*) Chất hóa học hoặc thành phần của một sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật có khả năng tiêu diệt, đẩy lùi, thu hút, giảm thiểu hoặc kiểm soát một loại sâu bệnh hại (khác với các thành phần trợ như nước, dung môi, chất nhũ hóa và chất ổn định).

**Hộ sản xuất nhỏ** (*Small producer household*) Hộ sản xuất quy mô nhỏ trong nông nghiệp. Theo thực hành của Tiêu chuẩn VietFarm, hộ sản xuất nhỏ là các hộ có diện tích canh tác dưới 3 ha hoặc có doanh thu bình quân dưới 500 triệu đồng/năm từ hoạt động sản xuất nông nghiệp.

---

## K

**Khí nhà kính** (*Greenhouse Gas — GHG*) Các khí trong khí quyển có khả năng hấp thụ và phát xạ bức xạ nhiệt, góp phần vào hiệu ứng nhà kính và biến đổi khí hậu. Trong lĩnh vực nông nghiệp, các khí nhà kính chính bao gồm: carbon dioxide (CO<sub>2</sub>), methane (CH<sub>4</sub>), nitrous oxide (N<sub>2</sub>O) và hơi nước. Khí nhà kính thường được đo và báo cáo theo đơn vị tương đương CO<sub>2</sub> (CO<sub>2</sub>e).

**Không phân biệt đối xử** (*Non-discrimination*) Nguyên tắc đảm bảo mọi người được đối xử bình đẳng và công bằng, không bị phân biệt trên cơ sở chủng tộc, màu da, giới tính, khuynh hướng tình dục, tình trạng hôn nhân, tuổi tác, khuyết tật, tình trạng sức khỏe, tôn giáo, quan điểm chính trị, ngôn ngữ, dân tộc, quốc tịch hoặc bất kỳ đặc điểm cá nhân nào khác không liên quan đến năng lực và yêu cầu công việc. [*Tham chiếu: ILO C111; Luật Bình đẳng giới 2006*]

**Khu bảo tồn** (*Protected area*) Không gian địa lý được xác định rõ ràng, được công nhận, dành riêng và quản lý thông qua luật pháp hoặc các biện pháp hiệu quả khác nhằm bảo tồn lâu dài các giá trị thiên nhiên, sinh thái và văn hóa. Ví dụ: vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển, khu bảo tồn thiên nhiên.

**Khu vực sản xuất** (*Production area*) Khu vực đất đai, cơ sở hạ tầng và các phương tiện sản xuất được sử dụng để sản xuất sản phẩm theo tiêu chuẩn VietFarm, được xác định rõ ranh giới và đăng ký với tổ chức cấp chứng nhận.

**Kỹ thuật gen** (*Genetic engineering*) Phương pháp thay đổi vật liệu di truyền của thực vật, động vật, vi sinh vật hoặc các đơn vị sinh vật khác bằng kỹ thuật sinh học phân tử, mà sự thay đổi này không thể thực hiện được qua quá trình nhân giống, chọn lọc hoặc đột biến tự nhiên. Sinh vật được tạo ra bằng kỹ thuật gen được gọi là sinh vật biến đổi gen (GMO).

---

## L

**Lao động cưỡng bức** (*Forced labour*) Bất kỳ công việc hoặc dịch vụ nào mà một người bị buộc phải thực hiện thông qua đe dọa, bạo lực, giam giữ giấy tờ tùy thân, nợ lao động hoặc bất kỳ hình thức ép buộc nào khác, không xuất phát từ sự tự nguyện của người lao động. [*Tham chiếu: ILO C29; ILO C105*]

**Lao động trẻ em** (*Child labour*) Công việc làm mất đi tuổi thơ, tiềm năng và phẩm giá của trẻ em, gây hại cho sự phát triển thể chất và tinh thần. Không được coi là lao động trẻ em: hoạt động phụ giúp việc nhà không ảnh hưởng đến việc học, hỗ trợ kinh doanh gia đình hoặc làm việc ngoài giờ học và ngày nghỉ với cường độ và tính chất phù hợp với lứa tuổi. **CHÚ THÍCH:** Theo Luật Trẻ em Việt Nam (Điều 1), trẻ em là công dân dưới mười sáu tuổi. Theo Công ước Quyền

*Trẻ em (UNCRC), trẻ em được định nghĩa là người dưới mười tám tuổi. [Tham chiếu: ILO C138; ILO C182; UNCRC 1989]*

**Loài bị đe dọa hoặc có nguy cơ tuyệt chủng** (*Threatened or endangered species*) Các loài thực vật và động vật được xác định là bị đe dọa hoặc có nguy cơ tuyệt chủng theo pháp luật quốc gia, Danh sách Đỏ IUCN về các loài bị đe dọa và/hoặc Công ước CITES về thương mại quốc tế đối với các loài động thực vật hoang dã nguy cấp.

**Lô hàng / Lô sản phẩm** (*Batch / Lot*) Một lượng nhất định hàng hoá được sản xuất trong điều kiện cơ bản giống nhau, có thể nhận diện và truy xuất nguồn gốc thống nhất.

**Luân canh cây trồng** (*Crop rotation*) Thực hành xen kẽ các loài hoặc họ cây trồng hàng năm và/hoặc hai năm một lần trên cùng một diện tích đất, nhằm loại bỏ cỏ dại, giảm sâu bệnh và chu kỳ bệnh, duy trì hoặc cải thiện độ màu mỡ của đất và hàm lượng chất hữu cơ.

---

## M

**Môi nguy** (*Hazard*) Tác nhân sinh học, hóa học hoặc vật lý trong thực phẩm hoặc trong điều kiện sản xuất có khả năng gây mất an toàn thực phẩm, gây hại cho sức khỏe con người, ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường hoặc làm giảm chất lượng sản phẩm.

**MRV — Đo đạc, Báo cáo, Thẩm định** (*Measurement, Reporting and Verification*) Hệ thống và quy trình có hệ thống để (i) **đo đạc** — thu thập dữ liệu định lượng về lượng phát thải khí nhà kính từ các hoạt động sản xuất; (ii) **báo cáo** — tổng hợp và trình bày dữ liệu phát thải theo phương pháp được chuẩn hóa; (iii) **thẩm định** — xác minh độc lập tính chính xác và đáng tin cậy của dữ liệu báo cáo. MRV là cơ sở để chứng nhận sản phẩm phát thải thấp và tham gia thị trường carbon.

**Mức dư lượng tối đa — MRL** (*Maximum Residue Limit*) Giới hạn pháp lý tối đa cho phép đối với lượng dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật hoặc thuốc thú y được phép còn lại trong và trên thực phẩm, được xác định theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

---

## N

**Nguyên tắc tiêu chuẩn — PS** (*Principle Standard*) Các nguyên tắc bắt buộc tuân thủ được xác định trong từng Giá trị cốt lõi của Bộ tiêu chuẩn VietFarm, nêu rõ yêu cầu ở cấp độ định hướng và chính sách. Mỗi PS được cụ thể hóa bởi một hoặc nhiều Yêu cầu tiêu chuẩn (SR).

**Người lao động** (*Worker*) Người được tổ chức thành viên VietFarm tuyển dụng, thuê mướn dưới bất kỳ hình thức nào — toàn thời gian, bán thời gian, thời vụ, dài hạn (trên 12 tháng) hoặc lao động theo hợp đồng và thỏa thuận — để thực hiện các công việc trong hoạt động sản xuất, sơ chế, chế biến hoặc phân phối sản phẩm.

**Nhân giống** (*Breeding*) Lựa chọn thực vật hoặc động vật (bao gồm cả lai tạo) để sản xuất và/hoặc tiếp tục phát triển các giống, dòng hoặc giống cải tiến theo mục tiêu đã định.

**Nông nghiệp hữu cơ** (*Organic agriculture*) Hệ thống quản lý sản xuất nông nghiệp duy trì sức khỏe của đất, hệ sinh thái và con người, dựa vào các quá trình sinh thái, đa dạng sinh học và các chu kỳ thích nghi với điều kiện địa phương, thay vì việc sử dụng các yếu tố đầu vào có tác động

bất lợi đến môi trường và sức khỏe. Nông nghiệp hữu cơ kết hợp truyền thống, đổi mới và khoa học để thúc đẩy môi trường lành mạnh và các mối quan hệ công bằng trong sản xuất. [Tham chiếu: IFOAM; TCVN 11041-1:2017]

**Nông nghiệp truyền thống** (*Traditional/Indigenous agriculture*) Hình thức canh tác dựa trên kiến thức bản địa được tạo ra, bảo tồn và truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, thể hiện sự hiểu biết sâu sắc về điều kiện tài nguyên, xã hội và môi trường của địa phương.

**Nguồn nước** (*Water body*) Sự tích tụ đáng kể của nước trong tự nhiên hoặc nhân tạo, bao gồm: hồ, đầm, ao, hồ chứa, vùng đất ngập nước, sông, suối và kênh rạch.

**Nuôi cấy mô** (*Tissue culture*) Kỹ thuật nuôi dưỡng các mảnh mô, tế bào hoặc cơ quan thực vật trong môi trường dinh dưỡng nhân tạo vô trùng nhằm tạo ra cây con hoặc sinh vật mới trong điều kiện phòng thí nghiệm kiểm soát.

**Nước uống an toàn** (*Safe drinking water*) Nước có chất lượng đáp ứng các tiêu chuẩn vệ sinh được quy định bởi cơ quan quản lý nhà nước, mà con người hoặc vật nuôi có thể sử dụng mà không gây rủi ro tổn hại trước mắt hoặc lâu dài cho sức khỏe. [Tham chiếu: QCVN 02:2009/BYT]

---

## P

**Phân bón** (*Fertilizer*) Bất kỳ loại vật liệu hữu cơ hay vô cơ, có nguồn gốc tự nhiên hay nhân tạo (trừ vôi), được đưa vào đất hoặc cây trồng để cung cấp một hoặc nhiều chất dinh dưỡng thiết yếu cho sự sinh trưởng và phát triển của cây trồng.

**Phân bón nano** (*Nano fertilizer*) Phân bón được sản xuất từ vật liệu nano có kích thước siêu nhỏ (cỡ phần tỉ mét), có diện tích bề mặt tiếp xúc lớn và có khả năng xuyên qua vách tế bào. Phân bón nano không được phép sử dụng trong sản xuất theo tiêu chuẩn VietFarm G.A.P và hữu cơ.

**Phân hữu cơ** (*Organic fertilizer*) Sản phẩm phân bón có nguồn gốc từ động vật và/hoặc thực vật, chứa các chất dinh dưỡng cần thiết cho cây trồng dưới dạng hợp chất hữu cơ. Ví dụ: phân ủ (compost), phân chuồng, phân xanh, mùn hữu cơ.

**Phân vô cơ** (*Inorganic/Chemical fertilizer*) Vật liệu phân bón trong đó carbon không phải là thành phần thiết yếu trong cấu trúc hóa học cơ bản. Các chất dinh dưỡng ở dạng muối vô cơ được thu được bằng quá trình công nghiệp và/hoặc bằng phương pháp vật lý và/hoặc hóa học. Ví dụ: nitrat amon, sulfat amon, clorua kali.

**Phúc lợi động vật** (*Animal welfare*) Trạng thái thể chất và tinh thần của vật nuôi liên quan đến điều kiện sống của chúng. Phúc lợi động vật tốt đòi hỏi đáp ứng đầy đủ "Năm quyền tự do" cơ bản: thoát khỏi đói khát; thoát khỏi sự khó chịu về điều kiện sống; thoát khỏi đau đớn, thương tích và bệnh tật; được thể hiện hành vi tự nhiên; và thoát khỏi nỗi sợ hãi và căng thẳng (stress).

**Phụ gia thực phẩm** (*Food additive*) Chất không thường được tiêu thụ như thực phẩm hoặc thành phần của thực phẩm, được cố ý thêm vào thực phẩm nhằm mục đích công nghệ (bao gồm cả cảm quan) trong sản xuất, chế biến, bao gói, vận chuyển hoặc lưu giữ, và có thể trở thành thành phần của thực phẩm hoặc ảnh hưởng đến đặc tính của thực phẩm đó.

**Q**

**Quản lý dịch hại tổng hợp — IPM** (*Integrated Pest Management*) Phương pháp tiếp cận hệ sinh thái để sản xuất và bảo vệ cây trồng, kết hợp nhiều chiến lược và thực hành quản lý để cây trồng phát triển khỏe mạnh và giảm thiểu việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật. IPM ưu tiên các biện pháp canh tác, sinh học và vật lý trước khi sử dụng hóa chất.

**S**

**Sản phẩm chăn nuôi** (*Livestock products*) Bao gồm thịt, trứng, sữa, mật ong, sáp ong, kén tằm, tổ yến, xương, sừng, móng, nội tạng, lông, da chưa qua chế biến và các sản phẩm khác được khai thác từ vật nuôi. [*Tham chiếu: Luật Chăn nuôi 38/2018/QH14*]

**Sản xuất** (*Production*) Các hoạt động được thực hiện để tạo ra các sản phẩm nông nghiệp, bao gồm từ trồng trọt/chăn nuôi, chế biến, bao gói, bảo quản, vận chuyển đến phân phối sản phẩm trong chuỗi cung ứng VietFarm.

**Sinh vật biến đổi gen — GMO** (*Genetically Modified Organism*) Sinh vật sống — bao gồm thực vật, động vật và vi sinh vật — có vật liệu di truyền đã được thay đổi bằng kỹ thuật gen theo cách mà không thể xảy ra tự nhiên qua quá trình nhân giống hoặc tái tổ hợp tự nhiên. Việc sử dụng GMO bị nghiêm cấm trong toàn bộ hệ thống sản xuất VietFarm.

**Sơ chế** (*Preliminary processing*) Các hoạt động ban đầu sau thu hoạch, bao gồm: loại bỏ phần không sử dụng làm thực phẩm, phân loại, làm sạch, làm khô, đóng gói sơ bộ nhằm tạo ra thực phẩm tươi sống có thể ăn ngay hoặc tạo ra nguyên liệu cho khâu chế biến thực phẩm tiếp theo.

**Suy thoái** (*Degradation*) Sự xáo trộn đáng kể, trực tiếp hoặc gián tiếp, của một hệ sinh thái tự nhiên do hoạt động của con người, dẫn đến làm giảm mật độ, cơ cấu, thành phần loài hoặc sinh khối của thảm thực vật và hệ sinh thái tự nhiên.

**T**

**Thanh tra nội bộ** (*Internal inspection*) Quá trình kiểm tra, giám sát được tổ chức quản trị tiêu chuẩn VietFarm thực hiện (thông qua chuyên gia có năng lực được phân công) nhằm đánh giá sự tuân thủ của các thành viên và tổ thành viên so với tất cả yêu cầu của Bộ tiêu chuẩn VietFarm. Khác với *đánh giá nội bộ* do chính tổ chức thành viên tự thực hiện.

**Thành viên của tổ chức** (*Member*) Nông dân, doanh nhân, hộ gia đình hoặc tổ chức (tổ hợp tác, hợp tác xã, hiệp hội, tổ chức cộng đồng) là thành phần cấu thành của một tổ chức thành viên VietFarm.

**Thời gian cách ly** (*Pre-harvest Interval — PHI*) Thời gian tối thiểu tính từ lần sử dụng thuốc bảo vệ thực vật cuối cùng đến thời điểm được phép thu hoạch sản phẩm, nhằm đảm bảo dư lượng thuốc trong sản phẩm không vượt quá mức tối đa cho phép (MRL).

**Thời gian ngừng thuốc** (*Withdrawal period*) Đối với thuốc thú y: khoảng thời gian tối thiểu tính từ lần dùng thuốc cuối cùng cho vật nuôi đến thời điểm vật nuôi được phép giết mổ, hoặc sản phẩm (sữa, trứng, mật ong) được phép thu hoạch và đưa ra thị trường, nhằm đảm bảo dư lượng thuốc không vượt quá MRL quy định.

**Thời hạn sử dụng** (*Shelf life / Best before date*) Khoảng thời gian tính từ ngày sản xuất đến ngày hết hạn, trong đó sản phẩm đảm bảo duy trì các đặc tính chất lượng, an toàn và giá trị dinh dưỡng khi được bảo quản đúng điều kiện quy định.

**Thời kỳ chuyển đổi** (*Conversion period*) Khoảng thời gian từ khi bắt đầu áp dụng phương pháp quản lý G.A.P hoặc hữu cơ theo tiêu chuẩn VietFarm đến khi sản phẩm lần đầu được cấp chứng nhận VietFarm G.A.P hoặc VietFarm Hữu cơ. Trong thời kỳ chuyển đổi, sản phẩm được ghi nhãn "sản phẩm trong giai đoạn chuyển đổi" và không được mang nhãn chứng nhận chính thức.

**Thực phẩm** (*Food*) Tất cả các chất đã chế biến, sơ chế hoặc chưa chế biến nhằm sử dụng cho người, bao gồm đồ ăn, đồ uống, nhai, ngậm và tất cả các chất được sử dụng để xử lý, chế biến hoặc gia công thực phẩm, không bao gồm các chất chỉ sử dụng dưới dạng thuốc, nước, thuốc lá và phụ gia thực phẩm.

**Thuốc bảo vệ thực vật — BVTV** (*Pesticide / Plant Protection Product*) Thuốc trừ sâu, trừ nấm, trừ cỏ, khử trùng và các chất hoặc hỗn hợp chất dùng để ngăn ngừa, tiêu diệt hoặc kiểm soát bất kỳ loại sinh vật gây hại nào trong sản xuất, chế biến, lưu kho, vận chuyển và thị trường thực phẩm hoặc nông sản, kể cả các chất điều hòa sinh trưởng cây trồng, tác nhân làm rụng lá và bảo quản sau thu hoạch.

**Thuốc thú y** (*Veterinary drug*) Đơn chất hoặc hỗn hợp các chất bao gồm dược phẩm, vắc-xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật và hóa chất được phê duyệt dùng cho động vật nhằm phòng bệnh, chữa bệnh, chẩn đoán bệnh, điều chỉnh hoặc phục hồi chức năng sinh trưởng và sinh sản của động vật.

**Thức ăn bổ sung** (*Supplementary feed*) Nguyên liệu đơn hoặc hỗn hợp các nguyên liệu thức ăn được thêm vào khẩu phần ăn để cân đối dinh dưỡng, duy trì hoặc cải thiện đặc tính của thức ăn vật nuôi, sức khỏe vật nuôi hoặc đặc tính của sản phẩm chăn nuôi.

**Thức ăn chăn nuôi** (*Animal feed*) Sản phẩm mà vật nuôi ăn, uống ở dạng tươi, sống hoặc đã qua chế biến, bao gồm thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn bổ sung và thức ăn truyền thống. [*Tham chiếu: Luật Chăn nuôi 38/2018/QH14; Nghị định 13/2020/NĐ-CP*]

**Thức ăn đậm đặc** (*Concentrate feed*) Hỗn hợp các nguyên liệu thức ăn có hàm lượng chất dinh dưỡng cao hơn nhu cầu của vật nuôi, được dùng để phối hợp với nguyên liệu khác tạo thành thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh.

**Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh** (*Complete mixed feed*) Hỗn hợp các nguyên liệu thức ăn được phối trộn có đủ chất dinh dưỡng để duy trì hoạt động sống và khả năng sản xuất của vật nuôi theo từng giai đoạn sinh trưởng hoặc chu kỳ sản xuất mà không cần bổ sung thức ăn nào khác ngoài nước uống.

**Thức ăn truyền thống** (*Traditional feed*) Sản phẩm nông nghiệp, thủy sản, công nghiệp chế biến được sử dụng phổ biến theo tập quán trong chăn nuôi, bao gồm: thóc, gạo, cám, ngô, khoai, sắn, bã rượu, bã bia, rỉ mật đường, rơm, cỏ và các sản phẩm tương tự.

**Thu hoạch hoang dã** (*Wild harvesting*) Hoạt động thu hái thực vật, nấm hoặc các sinh vật tự nhiên khác từ khu vực không được duy trì dưới sự canh tác hoặc quản lý nông nghiệp. Thu hoạch hoang dã phải tuân thủ pháp luật về bảo vệ đa dạng sinh học và không được làm suy giảm quần thể sinh vật tự nhiên.

**Tổ chức thành viên** (*Member organization*) Tổ chức hoặc cá nhân thực hiện các hoạt động sản xuất, sơ chế, chế biến, bao gói, bảo quản, vận chuyển hoặc phân phối sản phẩm trong chuỗi giá trị VietFarm và được đăng ký áp dụng Bộ tiêu chuẩn VietFarm. **CHÚ THÍCH 1:** *Tổ chức có thể là doanh nghiệp vừa, nhỏ, siêu nhỏ; hợp tác xã; tổ hợp tác; liên hiệp hợp tác xã; hộ kinh doanh cá thể.* **CHÚ THÍCH 2:** *Quy định về quy mô doanh nghiệp theo Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hiện hành.*

**Tổ chức thành viên có nhiều thành viên** (*Multi-member organization*) Tổ chức trong chuỗi VietFarm có từ hai thành viên trở lên, hoặc có từ hai địa điểm sản xuất trở lên. Tổ chức này phải có ít nhất 75% số thành viên là hộ sản xuất nhỏ.

**Trang trại** (*Farm*) Toàn bộ đất đai và cơ sở vật chất được sử dụng cho các hoạt động sản xuất nông nghiệp thuộc phạm vi quản lý thống nhất và thực hiện theo cùng một hệ thống quy trình.

**Trồng trọt phát thải thấp** (*Low-carbon crop farming*) Phương thức trồng trọt áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật tiên bộ nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế đồng thời giảm phát thải khí nhà kính, bao gồm: (i) kỹ thuật canh tác (đất, giống, nước, phân bón, quản lý dịch hại tổng hợp); (ii) quản lý thu hoạch và xử lý sau thu hoạch; (iii) sử dụng hợp lý và tiết kiệm năng lượng và nguồn lực; (iv) quản lý tốt chất thải, phụ phẩm và phế phẩm trồng trọt.

**Truy xuất nguồn gốc** (*Traceability*) Khả năng xác định, theo dõi và truy tìm lịch sử, địa điểm, quy trình sản xuất và lưu chuyển của một lô sản phẩm cụ thể xuyên suốt toàn bộ chuỗi cung ứng — từ nguồn nguyên liệu đầu vào đến tay người tiêu dùng — thông qua hệ thống nhận dạng và ghi chép được lập thành văn bản.

**Thương lượng tập thể** (*Collective bargaining*) Quá trình đàm phán giữa đại diện người lao động (tổ chức công đoàn hoặc tổ chức đại diện người lao động) và người sử dụng lao động nhằm xác định các điều kiện làm việc, mức lương, phúc lợi và các vấn đề liên quan đến quan hệ lao động, được thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện và thiện chí. [*Tham chiếu: ILO C98*]

## V

**Vật nuôi** (*Livestock animal*) Động vật được nuôi dưỡng vì mục đích kinh tế và thực phẩm, không bao gồm động vật hoang dã và động vật thủy sinh. Trong phạm vi tiêu chuẩn VietFarm, vật nuôi chủ yếu bao gồm gia súc (trâu, bò, lợn, dê, cừu) và gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng).

**Vùng đệm** (*Buffer zone*) Khu vực ranh giới được xác định rõ, bao quanh khu sản xuất G.A.P hoặc hữu cơ, được thiết lập nhằm hạn chế sự xâm nhập hoặc phơi nhiễm với các chất bị cấm từ khu vực lân cận thông qua phun thuốc, nước chảy tràn, gió hoặc các con đường lây lan khác.

## X

**Xen canh** (*Intercropping*) Hệ thống canh tác trong đó hai hoặc nhiều loại cây trồng được gieo trồng đồng thời trên cùng một đơn vị diện tích, nhằm tăng năng suất, nâng cao độ phì nhiêu của đất, giảm sâu bệnh và hạn chế cỏ dại.

## Y

**Yêu cầu tiêu chuẩn — SR** (*Standard Requirement*) Các yêu cầu cụ thể, có thể kiểm chứng được, được xây dựng để thực thi từng Nguyên tắc tiêu chuẩn (PS) trong Bộ tiêu chuẩn VietFarm. SR là đơn vị đánh giá cơ bản trong quá trình chứng nhận. SR được phân loại thành bắt buộc (B) và khuyến khích (★) theo từng bộ tiêu chuẩn kỹ thuật.

---

*Bộ Tiêu chuẩn VietFarm — VFS-GEN-02:2026 Trung tâm Phát triển và Hội nhập (CDI)*  
[standards@vietfarm.org.vn](mailto:standards@vietfarm.org.vn)

## TIÊU CHUẨN VIETFARM

VFS-GEN-02:2026

PHỤ LỤC  
THUẬT NGỮ VÀ ĐỊNH NGHĨA

Phụ lục này liệt kê các thuật ngữ và định nghĩa được sử dụng trong Bộ tiêu chuẩn VietFarm VFS-GEN-02:2026. Các thuật ngữ được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt. Thuật ngữ tiếng Anh tương đương được ghi trong dấu ngoặc đơn sau tên thuật ngữ tiếng Việt.

Khi các văn bản pháp luật được tham chiếu có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, phiên bản mới nhất có hiệu lực sẽ được áp dụng.

Tổng số thuật ngữ: 89 | Được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt

A B C D E G H K L M N P Q S T V X Y

## A

**An toàn sinh học** (*Biosecurity*)

Tập hợp các biện pháp nhằm ngăn ngừa sự xâm nhập và lây lan của mầm bệnh, dịch hại và các sinh vật ngoại lai vào khu vực sản xuất chăn nuôi hoặc trồng trọt, bao gồm kiểm soát người ra vào, vệ sinh, khử trùng và cách ly.

**An toàn thực phẩm** (*Food Safety*)

Đảm bảo rằng thực phẩm không gây hại cho người tiêu dùng khi được chế biến và/hoặc ăn theo mục đích sử dụng dự kiến. An toàn thực phẩm liên quan đến sự hiện diện của các mối nguy trong thực phẩm ở thời điểm tiêu thụ (ngay lập tức hoặc sau khi xử lý thích hợp).

**An toàn, vệ sinh lao động** (*Occupational Health and Safety (OHS)*)

Các điều kiện và yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe và sự an toàn của người lao động, người thăm quan và bất kỳ người nào khác trong nơi làm việc. Bao gồm nhận diện, đánh giá và kiểm soát các rủi ro nghề nghiệp.

[Tham chiếu: Luật An toàn, Vệ sinh Lao động số 84/2015/QH13]

## B

**Bao bì** (*Packaging*)

Vật chứa thực phẩm dùng để phân phối ở dạng đơn vị riêng lẻ, gồm cả bao phủ kín hoàn toàn hoặc một phần thực phẩm và vật liệu bọc bên ngoài.

**Bao gói sẵn** (*Pre-packaged*)

Việc bao gói thực phẩm trong một bao bì nhằm sẵn sàng cung cấp cho người tiêu dùng hoặc cho mục đích sử dụng trực tiếp mà không cần xử lý thêm.

**Bền vững** (*Sustainable*)

Sử dụng tài nguyên theo cách mà các thế hệ hiện tại đáp ứng nhu cầu của mình mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai. Không sử dụng tài nguyên nhanh hơn tốc độ tái tạo tự nhiên của chúng.

## C

**Cây lâu năm** (*Perennial crop*)

Các cây trồng có chu kỳ sinh trưởng dài hơn một năm và được thu hoạch liên tục trong nhiều vụ canh tác.

**Cây một năm** (*Annual crop*)

Các cây trồng có chu kỳ sinh trưởng ngắn và được thu hoạch trong vòng một vụ canh tác.

**Chăn nuôi** (*Livestock farming*)

Ngành kinh tế-kỹ thuật bao gồm các hoạt động trong lĩnh vực giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, điều kiện chăn nuôi, chế biến và thị trường sản phẩm chăn nuôi.

[Tham chiếu: Luật Chăn nuôi số 38/2018/QH14]

**Chăn nuôi phát thải thấp** (*Low-carbon livestock farming*)

Phương thức chăn nuôi áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật tiên bộ nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế đồng thời giảm phát thải khí nhà kính, bao gồm: (i) kỹ thuật chăn nuôi (chuồng trại, giống, thức ăn, quản lý sức khỏe vật nuôi); (ii) quản lý giết mổ và chế biến sản phẩm; (iii) sử dụng hợp lý và tiết kiệm năng lượng và nguồn lực; (iv) quản lý tốt chất thải và phụ phẩm chăn nuôi.

**Chất hỗ trợ chế biến** (*Processing aid*)

Bất kỳ chất hoặc vật liệu nào, không bao gồm thiết bị hoặc đồ dùng, và không được tiêu thụ như một thành phần thực phẩm, được sử dụng có chủ ý trong quá trình chế biến nguyên liệu thô, thực phẩm hoặc các thành phần của nó để đáp ứng một mục đích kỹ thuật nhất định và có thể dẫn đến sự hiện diện không cố ý của dư lượng trong sản phẩm cuối cùng.

**Chất tổng hợp** (*Synthetic*)

Chất được tạo thành từ quá trình tổng hợp hóa học hoặc từ quá trình thay đổi về mặt hóa học đối với các chất có nguồn gốc từ cây trồng, vật nuôi hoặc nguồn khoáng chất tự nhiên. Chất được tạo ra bởi các quá trình sinh học tự nhiên không phải là chất tổng hợp.

**Chế biến** (*Processing*)

Việc làm thay đổi sản phẩm đến thành phẩm hoặc bán thành phẩm, bao gồm thay đổi các sản phẩm thô/nguyên liệu tại cấp độ trang trại hoặc cơ sở sản xuất từ nông nghiệp.

**Chứng nhận** (*Certification*)

Quá trình xác nhận bên thứ ba có thẩm quyền rằng một tổ chức, sản phẩm hoặc hệ thống quản lý đáp ứng các yêu cầu cụ thể của tiêu chuẩn VietFarm. Chứng nhận được thực hiện bởi tổ chức đánh giá và chứng nhận độc lập được công nhận bởi Hội đồng Tiêu chuẩn VietFarm.

**Chuỗi cung ứng** (*Supply chain*)

Một hệ thống các tổ chức, con người, hoạt động, thông tin và tài nguyên liên quan đến việc chuyển sản phẩm hoặc dịch vụ từ nhà sản xuất/cung cấp đến người tiêu dùng cuối cùng. Trong hệ thống VietFarm, chuỗi cung ứng bao gồm tất cả các khâu từ sản xuất nguyên liệu, chế biến, đóng gói, vận chuyển đến phân phối và tiêu thụ.

**D****Dán nhãn / Ghi nhãn** (*Labelling*)

Bất kỳ nội dung nào được viết, in hoặc đồ họa trên nhãn, đi kèm với sản phẩm, hoặc được trưng bày gần sản phẩm, bao gồm cả mục đích quảng cáo và thương mại. Ghi nhãn là hành động thực hiện việc dán nhãn theo đúng quy định.

**Dấu chân carbon** (*Carbon Footprint (CFP)*)

Tổng lượng phát thải khí nhà kính liên quan đến vòng đời của một sản phẩm, được tính theo đơn vị tương đương CO<sub>2</sub> (kg CO<sub>2</sub>e hoặc tấn CO<sub>2</sub>e). Dấu chân carbon sản phẩm được xác định theo ISO 14067 hoặc tiêu chuẩn tương đương.

[Tham chiếu: ISO 14067:2018]

**Đa dạng sinh học** (*Biodiversity*)

Sự đa dạng của các dạng sống và kiểu hệ sinh thái trên Trái đất, bao gồm: đa dạng di truyền (đa dạng trong loài), đa dạng loài (số lượng và sự phong phú của loài) và đa dạng hệ sinh thái (tổng số các kiểu hệ sinh thái).

[Tham chiếu: Công ước CBD 1992; Luật Đa dạng sinh học 20/2008/QH12]

**Đánh giá bên ngoài** (*External audit*)

Đánh giá được thực hiện bởi tổ chức chứng nhận hoặc cá nhân có năng lực độc lập để xác định sự tuân thủ của tổ chức thành viên với các yêu cầu của Bộ tiêu chuẩn VietFarm. Đánh giá bên ngoài bao gồm đánh giá chứng nhận lần đầu, đánh giá giám sát định kỳ và đánh giá đột xuất.

**Đánh giá nội bộ** (*Internal audit*)

Quá trình kiểm tra, đánh giá có hệ thống được thực hiện bởi tổ chức thành viên hoặc bởi đơn vị quản trị tiêu chuẩn VietFarm để xác định mức độ tuân thủ các yêu cầu của Bộ tiêu chuẩn, nhằm phát hiện điểm không phù hợp và thực hiện cải tiến liên tục. Xem thêm: Thanh tra nội bộ.

**Đánh giá rủi ro** (*Risk assessment*)

Quá trình có hệ thống để nhận diện, phân tích và đánh giá các mối nguy và rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và chuỗi cung ứng. Kết quả đánh giá được sử dụng để xây dựng các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát phù hợp.

**Đầu vào** (*Input*)

Tất cả các vật tư, nguyên liệu, năng lượng và dịch vụ được sử dụng trong quá trình sản xuất và chế biến, bao gồm: giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, nước, năng lượng và các chất bổ sung khác.

**Đồng ruộng / Thừa ruộng** (*Field / Plot*)

Một mảnh đất canh tác có ranh giới xác định, được quản lý như một đơn vị sản xuất thống nhất. Còn được gọi là "lô thửa" hoặc "khu vực canh tác".

**E****ESG** (*Environmental, Social and Governance*)

Khung đánh giá tổng hợp ba khía cạnh hoạt động phi tài chính của tổ chức:

(E) Môi trường — tác động và quản lý của tổ chức đối với môi trường tự nhiên, bao gồm biến đổi khí hậu, tài nguyên và đa dạng sinh học;

(S) Xã hội — quản lý quan hệ với người lao động, cộng đồng, nhà cung cấp và xã hội;

(G) Quản trị — cơ cấu lãnh đạo, tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và đạo đức kinh doanh.

ESG là công cụ đánh giá phổ biến trong chuỗi cung ứng quốc tế và gắn với cam kết phát triển bền vững của VietFarm.

## G

### Giá trị cốt lõi (CV) *(Core Value)*

Mười nguyên tắc nền tảng của Bộ tiêu chuẩn VietFarm, phản ánh triết lý và định hướng của toàn bộ hệ thống VietFarm về sản xuất có trách nhiệm, công bằng và bền vững. Mỗi Giá trị cốt lõi được cụ thể hóa thành các Nguyên tắc tiêu chuẩn (PS) và Yêu cầu tiêu chuẩn (SR).

### Giống *(Variety (cây trồng) / Breed (vật nuôi))*

Hạt giống, cây giống, vật liệu nhân giống và các vật liệu thực vật khác được sử dụng để thiết lập, thay thế hoặc khôi phục đồng ruộng, hoặc để sản xuất thêm cây giống. Xem thêm: Giống vật nuôi.

### Giống vật nuôi *(Livestock breed)*

Quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố và phát triển do tác động của con người; phải có số lượng đảm bảo để nhân giống và di truyền được những đặc điểm của giống cho thế hệ sau.

*[Tham chiếu: Luật Chăn nuôi số 38/2018/QH14]*

## H

### Hành lang sinh học *(Biological corridor)*

Khu vực địa lý được xác định rõ nhằm kết nối các cảnh quan, hệ sinh thái và môi trường sống, đảm bảo việc duy trì đa dạng sinh học và các quá trình sinh thái, tiến hóa giữa các khu vực bảo tồn hoặc sinh cảnh tự nhiên.

### Hệ thống quản lý nội bộ (IMS) *(Internal Management System)*

Hệ thống quản lý chất lượng được lập thành văn bản với mục đích đảm bảo rằng tổ chức thành viên và các thành viên trong tổ chức tuân thủ các yêu cầu của Bộ tiêu chuẩn VietFarm. Hệ thống bao gồm chính sách, quy trình, phân công trách nhiệm, công cụ ghi chép và cơ chế cải tiến liên tục.

### Hoạt chất *(Active substance)*

Chất hóa học hoặc thành phần của một sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật có khả năng tiêu diệt, đẩy lùi, thu hút, giảm thiểu hoặc kiểm soát một loại sâu bệnh hại (khác với các thành phần trợ như nước, dung môi, chất nhũ hóa và chất ổn định).

### Hộ sản xuất nhỏ *(Small producer household)*

Hộ sản xuất quy mô nhỏ trong nông nghiệp. Theo thực hành của Tiêu chuẩn VietFarm, hộ sản xuất nhỏ là các hộ có diện tích canh tác dưới 3 ha hoặc có doanh thu bình quân dưới 500 triệu đồng/năm từ hoạt động sản xuất nông nghiệp.

## K

**Khí nhà kính (GHG)** (*Greenhouse Gas*)

Các khí trong khí quyển có khả năng hấp thụ và phát xạ bức xạ nhiệt, góp phần vào hiệu ứng nhà kính và biến đổi khí hậu. Trong lĩnh vực nông nghiệp, các khí nhà kính chính bao gồm: carbon dioxide (CO<sub>2</sub>), methane (CH<sub>4</sub>), nitrous oxide (N<sub>2</sub>O) và hơi nước. Khí nhà kính thường được đo và báo cáo theo đơn vị tương đương CO<sub>2</sub> (CO<sub>2</sub>e).

[Tham chiếu: Thỏa thuận Paris 2015; NDC Việt Nam 2022]

**Không phân biệt đối xử** (*Non-discrimination*)

Nguyên tắc đảm bảo mọi người được đối xử bình đẳng và công bằng, không bị phân biệt trên cơ sở chủng tộc, màu da, giới tính, khuynh hướng tình dục, tình trạng hôn nhân, tuổi tác, khuyết tật, tình trạng sức khỏe, tôn giáo, quan điểm chính trị, ngôn ngữ, dân tộc, quốc tịch hoặc bất kỳ đặc điểm cá nhân nào khác không liên quan đến năng lực và yêu cầu công việc.

[Tham chiếu: ILO C111; Luật Bình đẳng giới 73/2006/QH11]

**Khu bảo tồn** (*Protected area*)

Không gian địa lý được xác định rõ ràng, được công nhận, dành riêng và quản lý thông qua luật pháp hoặc các biện pháp hiệu quả khác nhằm bảo tồn lâu dài các giá trị thiên nhiên, sinh thái và văn hóa. Ví dụ: vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển, khu bảo tồn thiên nhiên.

[Tham chiếu: Luật Đa dạng sinh học 20/2008/QH12; Luật Lâm nghiệp 16/2017/QH14]

**Khu vực sản xuất** (*Production area*)

Khu vực đất đai, cơ sở hạ tầng và các phương tiện sản xuất được sử dụng để sản xuất sản phẩm theo tiêu chuẩn VietFarm, được xác định rõ ranh giới và đăng ký với tổ chức cấp chứng nhận.

**Kỹ thuật gen** (*Genetic engineering*)

Phương pháp thay đổi vật liệu di truyền của thực vật, động vật, vi sinh vật hoặc các đơn vị sinh vật khác bằng kỹ thuật sinh học phân tử, mà sự thay đổi này không thể thực hiện được qua quá trình nhân giống, chọn lọc hoặc đột biến tự nhiên. Sinh vật được tạo ra bằng kỹ thuật gen được gọi là sinh vật biến đổi gen (GMO).

## L

**Lao động cưỡng bức** (*Forced labour*)

Bất kỳ công việc hoặc dịch vụ nào mà một người bị buộc phải thực hiện thông qua đe dọa, bạo lực, giam giữ giấy tờ tùy thân, nợ lao động hoặc bất kỳ hình thức ép buộc nào khác, không xuất phát từ sự tự nguyện của người lao động.

[Tham chiếu: ILO C29; ILO C105]

**Lao động trẻ em** (*Child labour*)

Công việc làm mất đi tuổi thơ, tiềm năng và phẩm giá của trẻ em, gây hại cho sự phát triển thể chất và tinh thần. Không được coi là lao động trẻ em: hoạt động phụ giúp việc nhà không ảnh hưởng đến việc học, hỗ trợ kinh doanh gia đình hoặc làm việc ngoài giờ học và ngày nghỉ với cường độ và tính chất phù hợp với lứa tuổi.

**CHÚ THÍCH 1:** Theo Luật Trẻ em Việt Nam (Điều 1), trẻ em là công dân dưới mười sáu tuổi.

**CHÚ THÍCH 2:** Theo Công ước Quyền Trẻ em (UNCRC), trẻ em được định nghĩa là người dưới mười tám tuổi.

[Tham chiếu: ILO C138; ILO C182; UNCRC 1989]

### Loài bị đe dọa hoặc có nguy cơ tuyệt chủng (*Threatened or endangered species*)

Các loài thực vật và động vật được xác định là bị đe dọa hoặc có nguy cơ tuyệt chủng theo pháp luật quốc gia, Danh sách Đỏ IUCN về các loài bị đe dọa và/hoặc Công ước CITES về thương mại quốc tế đối với các loài động thực vật hoang dã nguy cấp.

### Lô hàng / Lô sản phẩm (*Batch / Lot*)

Một lượng nhất định hàng hoá được sản xuất trong điều kiện cơ bản giống nhau, có thể nhận diện và truy xuất nguồn gốc thống nhất.

### Luân canh cây trồng (*Crop rotation*)

Thực hành xen kẽ các loài hoặc họ cây trồng hàng năm và/hoặc hai năm một lần trên cùng một diện tích đất, nhằm loại bỏ cỏ dại, giảm sâu bệnh và chu kỳ bệnh, duy trì hoặc cải thiện độ màu mỡ của đất và hàm lượng chất hữu cơ.

## M

### Môi nguy (*Hazard*)

Tác nhân sinh học, hóa học hoặc vật lý trong thực phẩm hoặc trong điều kiện sản xuất có khả năng gây mất an toàn thực phẩm, gây hại cho sức khỏe con người, ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường hoặc làm giảm chất lượng sản phẩm.

### MRV — Đo đạc, Báo cáo, Thẩm định (*Measurement, Reporting and Verification*)

Hệ thống và quy trình có hệ thống để: (i) đo đạc — thu thập dữ liệu định lượng về lượng phát thải khí nhà kính từ các hoạt động sản xuất; (ii) báo cáo — tổng hợp và trình bày dữ liệu phát thải theo phương pháp được chuẩn hóa; (iii) thẩm định — xác minh độc lập tính chính xác và đáng tin cậy của dữ liệu báo cáo. MRV là cơ sở để chứng nhận sản phẩm phát thải thấp và tham gia thị trường carbon.

### Mức dư lượng tối đa (MRL) (*Maximum Residue Limit*)

Giới hạn pháp lý tối đa cho phép đối với lượng dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật hoặc thuốc thú y được phép còn lại trong và trên thực phẩm, được xác định theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

[Tham chiếu: Thông tư 50/2016/TT-BYT và văn bản cập nhật]

## N

### **Nguyên tắc tiêu chuẩn (PS)** *(Principle Standard)*

Các nguyên tắc bắt buộc tuân thủ được xác định trong từng Giá trị cốt lõi của Bộ tiêu chuẩn VietFarm, nêu rõ yêu cầu ở cấp độ định hướng và chính sách. Mỗi PS được cụ thể hóa bởi một hoặc nhiều Yêu cầu tiêu chuẩn (SR).

### **Người lao động** *(Worker)*

Người được tổ chức thành viên VietFarm tuyển dụng, thuê mượn dưới bất kỳ hình thức nào — toàn thời gian, bán thời gian, thời vụ, dài hạn (trên 12 tháng) hoặc lao động theo hợp đồng và thỏa thuận — để thực hiện các công việc trong hoạt động sản xuất, sơ chế, chế biến hoặc phân phối sản phẩm.

*[Tham chiếu: Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14]*

### **Nhân giống** *(Breeding)*

Lựa chọn thực vật hoặc động vật (bao gồm cả lai tạo) để sản xuất và/hoặc tiếp tục phát triển các giống, dòng hoặc giống cải tiến theo mục tiêu đã định.

### **Nông nghiệp hữu cơ** *(Organic agriculture)*

Hệ thống quản lý sản xuất nông nghiệp duy trì sức khỏe của đất, hệ sinh thái và con người, dựa vào các quá trình sinh thái, đa dạng sinh học và các chu kỳ thích nghi với điều kiện địa phương, thay vì việc sử dụng các yếu tố đầu vào có tác động bất lợi đến môi trường và sức khỏe. Nông nghiệp hữu cơ kết hợp truyền thống, đổi mới và khoa học để thúc đẩy môi trường lành mạnh và các mối quan hệ công bằng trong sản xuất.

*[Tham chiếu: IFOAM Norms; TCVN 11041-1:2017]*

### **Nông nghiệp truyền thống** *(Traditional/Indigenous agriculture)*

Hình thức canh tác dựa trên kiến thức bản địa được tạo ra, bảo tồn và truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, thể hiện sự hiểu biết sâu sắc về điều kiện tài nguyên, xã hội và môi trường của địa phương.

### **Nguồn nước** *(Water body)*

Sự tích tụ đáng kể của nước trong tự nhiên hoặc nhân tạo, bao gồm: hồ, đầm, ao, hồ chứa, vùng đất ngập nước, sông, suối và kênh rạch.

### **Nuôi cấy mô** *(Tissue culture)*

Kỹ thuật nuôi dưỡng các mảnh mô, tế bào hoặc cơ quan thực vật trong môi trường dinh dưỡng nhân tạo vô trùng nhằm tạo ra cây con hoặc sinh vật mới trong điều kiện phòng thí nghiệm kiểm soát.

### **Nước uống an toàn** *(Safe drinking water)*

Nước có chất lượng đáp ứng các tiêu chuẩn vệ sinh được quy định bởi cơ quan quản lý nhà nước, mà con người hoặc vật nuôi có thể sử dụng mà không gây rủi ro tổn hại trước mắt hoặc lâu dài cho sức khỏe.

*[Tham chiếu: QCVN 02:2009/BYT]*

### Phân bón (Fertilizer)

Bất kỳ loại vật liệu hữu cơ hay vô cơ, có nguồn gốc tự nhiên hay nhân tạo (trừ vôi), được đưa vào đất hoặc cây trồng để cung cấp một hoặc nhiều chất dinh dưỡng thiết yếu cho sự sinh trưởng và phát triển của cây trồng.

### Phân bón nano (Nano fertilizer)

Phân bón được sản xuất từ vật liệu nano có kích thước siêu nhỏ (cỡ phân tử mét), có diện tích bề mặt tiếp xúc lớn và có khả năng xuyên qua vách tế bào. Phân bón nano không được phép sử dụng trong sản xuất theo tiêu chuẩn VietFarm G.A.P và hữu cơ.

### Phân hữu cơ (Organic fertilizer)

Sản phẩm phân bón có nguồn gốc từ động vật và/hoặc thực vật, chứa các chất dinh dưỡng cần thiết cho cây trồng dưới dạng hợp chất hữu cơ. Ví dụ: phân ủ (compost), phân chuồng, phân xanh, mùn hữu cơ.

### Phân vô cơ (Inorganic/Chemical fertilizer)

Vật liệu phân bón trong đó carbon không phải là thành phần thiết yếu trong cấu trúc hóa học cơ bản. Các chất dinh dưỡng ở dạng muối vô cơ được thu được bằng quá trình công nghiệp và/hoặc bằng phương pháp vật lý và/hoặc hóa học. Ví dụ: nitrat amon, sulfat amon, clorua kali.

### Phúc lợi động vật (Animal welfare)

Trạng thái thể chất và tinh thần của vật nuôi liên quan đến điều kiện sống của chúng. Phúc lợi động vật tốt đòi hỏi đáp ứng đầy đủ "Năm quyền tự do" cơ bản của vật nuôi: thoát khỏi đói khát; thoát khỏi sự khó chịu về điều kiện sống; thoát khỏi đau đớn, thương tích và bệnh tật; được thể hiện hành vi tự nhiên; và thoát khỏi nỗi sợ hãi và căng thẳng (stress).

### Phụ gia thực phẩm (Food additive)

Chất không thường được tiêu thụ như thực phẩm hoặc thành phần của thực phẩm, được cố ý thêm vào thực phẩm nhằm mục đích công nghệ (bao gồm cả cảm quan) trong sản xuất, chế biến, bao gói, vận chuyển hoặc lưu giữ, và có thể trở thành thành phần của thực phẩm hoặc ảnh hưởng đến đặc tính của thực phẩm đó.

## Q

### Quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) (Integrated Pest Management)

Phương pháp tiếp cận hệ sinh thái để sản xuất và bảo vệ cây trồng, kết hợp nhiều chiến lược và thực hành quản lý để cây trồng phát triển khỏe mạnh và giảm thiểu việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật. IPM ưu tiên các biện pháp canh tác, sinh học và vật lý trước khi sử dụng hóa chất.

## S

### Sản phẩm chăn nuôi (Livestock products)

Bao gồm thịt, trứng, sữa, mật ong, sáp ong, kén tằm, tổ yến, xương, sừng, móng, nội tạng, lông, da chưa qua chế biến và các sản phẩm khác được khai thác từ vật nuôi.

[Tham chiếu: Luật Chăn nuôi 38/2018/QH14]

### Sản xuất (Production)

Các hoạt động được thực hiện để tạo ra các sản phẩm nông nghiệp, bao gồm từ trồng trọt/chăn nuôi, chế biến, bao gói, bảo quản, vận chuyển đến phân phối sản phẩm trong chuỗi cung ứng VietFarm.

### Sinh vật biến đổi gen (GMO) (Genetically Modified Organism)

Sinh vật sống — bao gồm thực vật, động vật và vi sinh vật — có vật liệu di truyền đã được thay đổi bằng kỹ thuật gen theo cách mà không thể xảy ra tự nhiên qua quá trình nhân giống hoặc tái tổ hợp tự nhiên. Việc sử dụng GMO bị nghiêm cấm trong toàn bộ hệ thống sản xuất VietFarm.

### Sơ chế (Preliminary processing)

Các hoạt động ban đầu sau thu hoạch, bao gồm: loại bỏ phần không sử dụng làm thực phẩm, phân loại, làm sạch, làm khô, đóng gói sơ bộ nhằm tạo ra thực phẩm tươi sống có thể ăn ngay hoặc tạo ra nguyên liệu cho khâu chế biến thực phẩm tiếp theo.

### Suy thoái (Degradation)

Sự xáo trộn đáng kể, trực tiếp hoặc gián tiếp, của một hệ sinh thái tự nhiên do hoạt động của con người, dẫn đến làm giảm mật độ, cơ cấu, thành phần loài hoặc sinh khối của thảm thực vật và hệ sinh thái tự nhiên.

## T

### Thanh tra nội bộ (Internal inspection)

Quá trình kiểm tra, giám sát được tổ chức quản trị tiêu chuẩn VietFarm thực hiện (thông qua chuyên gia có năng lực được phân công) nhằm đánh giá sự tuân thủ của các thành viên và tổ thành viên so với tất cả yêu cầu của Bộ tiêu chuẩn VietFarm. Khác với đánh giá nội bộ do chính tổ chức thành viên tự thực hiện.

### Thành viên của tổ chức (Member)

Nông dân, doanh nhân, hộ gia đình hoặc tổ chức (tổ hợp tác, hợp tác xã, hiệp hội, tổ chức cộng đồng) là thành phần cấu thành của một tổ chức thành viên VietFarm.

### Thời gian cách ly (PHI) (Pre-harvest Interval)

Thời gian tối thiểu tính từ lần sử dụng thuốc bảo vệ thực vật cuối cùng đến thời điểm được phép thu hoạch sản phẩm, nhằm đảm bảo dư lượng thuốc trong sản phẩm không vượt quá mức tối đa cho phép (MRL).

### Thời gian ngừng thuốc (Withdrawal period)

Đối với thuốc thú y: khoảng thời gian tối thiểu tính từ lần dùng thuốc cuối cùng cho vật nuôi đến thời điểm vật nuôi được phép giết mổ, hoặc sản phẩm (sữa, trứng, mật ong) được phép thu hoạch và đưa ra thị trường, nhằm đảm bảo dư lượng thuốc không vượt quá MRL quy định.

[Tham chiếu: TT 09/2023/TT-BNNPTNT và văn bản cập nhật]

### Thời hạn sử dụng (Shelf life / Best before date)

Khoảng thời gian tính từ ngày sản xuất đến ngày hết hạn, trong đó sản phẩm đảm bảo duy trì các đặc tính chất lượng, an toàn và giá trị dinh dưỡng khi được bảo quản đúng điều kiện quy định.

### Thời kỳ chuyển đổi (Conversion period)

Khoảng thời gian từ khi bắt đầu áp dụng phương pháp quản lý G.A.P hoặc hữu cơ theo tiêu chuẩn VietFarm đến khi sản phẩm lần đầu được cấp chứng nhận VietFarm G.A.P hoặc VietFarm Hữu cơ. Trong thời kỳ chuyển đổi, sản phẩm được ghi nhãn "sản phẩm trong giai đoạn chuyển đổi" và không được mang nhãn chứng nhận chính thức.

### Thực phẩm (Food)

Tất cả các chất đã chế biến, sơ chế hoặc chưa chế biến nhằm sử dụng cho người, bao gồm đồ ăn, đồ uống, nhai, ngậm và tất cả các chất được sử dụng để xử lý, chế biến hoặc gia công thực phẩm. Không bao gồm các chất chỉ sử dụng dưới dạng thuốc, nước, thuốc lá và phụ gia thực phẩm.

[Tham chiếu: Luật An toàn thực phẩm 55/2010/QH12]

### Thu hoạch hoang dã (Wild harvesting)

Hoạt động thu hái thực vật, nấm hoặc các sinh vật tự nhiên khác từ khu vực không được duy trì dưới sự canh tác hoặc quản lý nông nghiệp. Thu hoạch hoang dã phải tuân thủ pháp luật về bảo vệ đa dạng sinh học và không được làm suy giảm quần thể sinh vật tự nhiên.

### Thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) (Pesticide / Plant Protection Product)

Thuốc trừ sâu, trừ nấm, trừ cỏ, khử trùng và các chất hoặc hỗn hợp chất dùng để ngăn ngừa, tiêu diệt hoặc kiểm soát bất kỳ loại sinh vật gây hại nào trong sản xuất, chế biến, lưu kho, vận chuyển và thị trường thực phẩm hoặc nông sản, kể cả các chất điều hòa sinh trưởng cây trồng, tác nhân làm rụng lá và bảo quản sau thu hoạch.

[Tham chiếu: Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật 41/2013/QH13]

### Thuốc thú y (Veterinary drug)

Đơn chất hoặc hỗn hợp các chất bao gồm dược phẩm, vắc-xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật và hóa chất được phê duyệt dùng cho động vật nhằm phòng bệnh, chữa bệnh, chẩn đoán bệnh, điều chỉnh hoặc phục hồi chức năng sinh trưởng và sinh sản của động vật.

[Tham chiếu: Luật Thú y 79/2015/QH13; TT 09/2023/TT-BNNPTNT]

### Thức ăn bổ sung (Supplementary feed)

Nguyên liệu đơn hoặc hỗn hợp các nguyên liệu thức ăn được thêm vào khẩu phần ăn để cân đối dinh dưỡng, duy trì hoặc cải thiện đặc tính của thức ăn vật nuôi, sức khỏe vật nuôi hoặc đặc tính của sản phẩm chăn nuôi.

### Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)

Sản phẩm mà vật nuôi ăn, uống ở dạng tươi, sống hoặc đã qua chế biến, bao gồm thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn bổ sung và thức ăn truyền thống.

[Tham chiếu: Luật Chăn nuôi 38/2018/QH14; Nghị định 13/2020/NĐ-CP]

**Thức ăn đậm đặc** (*Concentrate feed*)

Hỗn hợp các nguyên liệu thức ăn có hàm lượng chất dinh dưỡng cao hơn nhu cầu của vật nuôi, được dùng để phối hợp với nguyên liệu khác tạo thành thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh.

**Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh** (*Complete mixed feed*)

Hỗn hợp các nguyên liệu thức ăn được phối trộn có đủ chất dinh dưỡng để duy trì hoạt động sống và khả năng sản xuất của vật nuôi theo từng giai đoạn sinh trưởng hoặc chu kỳ sản xuất mà không cần bổ sung thức ăn nào khác ngoài nước uống.

**Thức ăn truyền thống** (*Traditional feed*)

Sản phẩm nông nghiệp, thủy sản, công nghiệp chế biến được sử dụng phổ biến theo tập quán trong chăn nuôi, bao gồm: thóc, gạo, cám, ngô, khoai, sắn, bã rượu, bã bia, rỉ mật đường, rơm, cỏ và các sản phẩm tương tự.

**Tổ chức thành viên** (*Member organization*)

Tổ chức hoặc cá nhân thực hiện các hoạt động sản xuất, sơ chế, chế biến, bao gói, bảo quản, vận chuyển hoặc phân phối sản phẩm trong chuỗi giá trị VietFarm và được đăng ký áp dụng Bộ tiêu chuẩn VietFarm.

**CHÚ THÍCH 1:** Tổ chức có thể là doanh nghiệp vừa, nhỏ, siêu nhỏ; hợp tác xã; tổ hợp tác; liên hiệp hợp tác xã; hộ kinh doanh cá thể.

**CHÚ THÍCH 2:** Quy định về quy mô doanh nghiệp theo Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hiện hành.

**Tổ chức thành viên có nhiều thành viên** (*Multi-member organization*)

Tổ chức trong chuỗi VietFarm có từ hai thành viên trở lên, hoặc có từ hai địa điểm sản xuất trở lên. Tổ chức này phải có ít nhất 75% số thành viên là hộ sản xuất nhỏ.

**Trang trại** (*Farm*)

Toàn bộ đất đai và cơ sở vật chất được sử dụng cho các hoạt động sản xuất nông nghiệp thuộc phạm vi quản lý thống nhất và thực hiện theo cùng một hệ thống quy trình.

**Trồng trọt phát thải thấp** (*Low-carbon crop farming*)

Phương thức trồng trọt áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật tiên bộ nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế đồng thời giảm phát thải khí nhà kính, bao gồm: (i) kỹ thuật canh tác (đất, giống, nước, phân bón, quản lý dịch hại tổng hợp); (ii) quản lý thu hoạch và xử lý sau thu hoạch; (iii) sử dụng hợp lý và tiết kiệm năng lượng và nguồn lực; (iv) quản lý tốt chất thải, phụ phẩm và phế phẩm trồng trọt.

**Truy xuất nguồn gốc** (*Traceability*)

Khả năng xác định, theo dõi và truy tìm lịch sử, địa điểm, quy trình sản xuất và lưu chuyển của một lô sản phẩm cụ thể xuyên suốt toàn bộ chuỗi cung ứng — từ nguồn nguyên liệu đầu vào đến tay người tiêu dùng — thông qua hệ thống nhận dạng và ghi chép được lập thành văn bản.

**Thương lượng tập thể** (*Collective bargaining*)

Quá trình đàm phán giữa đại diện người lao động (tổ chức công đoàn hoặc tổ chức đại diện người lao động) và người sử dụng lao động nhằm xác định các điều kiện làm việc, mức lương, phúc lợi và các vấn đề liên quan đến quan hệ lao động, được thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện và thiện chí.

[Tham chiếu: ILO C98; Bộ luật Lao động 45/2019/QH14]

## V

### **Vật nuôi** (*Livestock animal*)

Động vật được nuôi dưỡng vì mục đích kinh tế và thực phẩm, không bao gồm động vật hoang dã và động vật thủy sinh. Trong phạm vi tiêu chuẩn VietFarm, vật nuôi chủ yếu bao gồm gia súc (trâu, bò, lợn, dê, cừu) và gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng).

[Tham chiếu: Luật Chăn nuôi 38/2018/QH14]

### **Vùng đệm** (*Buffer zone*)

Khu vực ranh giới được xác định rõ, bao quanh khu sản xuất G.A.P hoặc hữu cơ, được thiết lập nhằm hạn chế sự xâm nhập hoặc phơi nhiễm với các chất bị cấm từ khu vực lân cận thông qua phun thuốc, nước chảy tràn, gió hoặc các con đường lây lan khác.

## X

### **Xen canh** (*Intercropping*)

Hệ thống canh tác trong đó hai hoặc nhiều loại cây trồng được gieo trồng đồng thời trên cùng một đơn vị diện tích, nhằm tăng năng suất, nâng cao độ phì nhiêu của đất, giảm sâu bệnh và hạn chế cỏ dại.

## Y

### **Yêu cầu tiêu chuẩn (SR)** (*Standard Requirement*)

Các yêu cầu cụ thể, có thể kiểm chứng được, được xây dựng để thực thi từng Nguyên tắc tiêu chuẩn (PS) trong Bộ tiêu chuẩn VietFarm. SR là đơn vị đánh giá cơ bản trong quá trình chứng nhận. SR được phân loại thành bắt buộc (B) và khuyến khích (★) theo từng bộ tiêu chuẩn kỹ thuật.